MỘC KHUÊ

DÉPÔT LÉGAL
INDOCHINE
N° 1861

BA MƯƠI NĂM VĂN HỌC

TÂN VIỆT

8°
Indoch.
2999

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

8°
Lindau.
2999.

BA MƯƠI NĂM VĂN HỌC IN
LẦN THỨ NHẤT NGOÀI NHỮNG
BẢN GIẤY THƯỜNG CÓ IN
RIÊNG LÀM 4 BẢN ĐẶC BIỆT
TRÊN GIẤY LỤA ĐỀ KHÔNG BÁN

Võ phi Hùng, Cựu HS Petrus Ký, 67-74
gởi tặng Kho sách xưa của Quán Ven Đường

MỌC KHUÊ

Ba mươi năm

VĂN HỌC

TRONG TỦ SÁCH PHÊ BÌNH

TÂN VIỆT

SÁCH GIÁ TRỊ

Luận Tùng	*giá*	1$50
Vàng Sao	*giá*	2$50
Triết học Kant	*giá*	1$50
Triết học Nietzsche	*giá*	1$95
Triết học Einstein	*giá*	2$30
Phê bình văn học	*giá*	0$95
Trong 99 chóp núi	*giá*	1$00

Nhà xuất bản TÂN VIỆT

EFEO LEBR.
INDOCHINE
№ 18861

Lời nói đầu

Văn học quốc ngữ trong mấy năm gần đây, mỗi ngày một tiến bộ — về lượng cũng như về phẩm : số sách xuất bản hằng tháng hằng năm thật nhiều. Nhiều tuy không bằng các nước Âu Mỹ. Nhưng kể ra quả có nhiều lắm đối với số độc giả tối thiểu xứ ta !

Biên tập sách này chúng tôi đành phải chọn lọc, loại bớt những sách không đáng kể. Như thế cho khỏi rườm rà !

Còn đối với các tác phẩm giá trị, chúng tôi vì phạm vi quyển sách bé nhỏ này cũng phải buộc lòng nói thoáng qua thôi.

Phê bình tường tận những danh tác ấy, đó là công việc chúng tôi đã thử thi hành trong bộ Phê bình văn học (1) *và cũng xin nhường lại cho các bình giả hữu danh khác trong nước.*

Công việc chúng tôi hôm nay ở đây chỉ là công việc « tinh sổ văn học » — một công việc mà Trương-Tửu đã có lần thi hành trong Mùa gặt mới *số 2 ra năm 1941 và cũng là công việc chúng tôi đã thử phác qua trên* Đông-Dương *tuần báo ở Saigon hồi tháng avril 1940.*

Tinh sổ văn học, đó là công việc của những bài báo, lẽ ra không nên cho in thành sách!

Nhưng thiển nghĩ : sẽ khó khăn biết bao nhiêu sau này cho nhà văn học sử, nếu ông ta muốn tìm mà không ra một bản thống kê văn học quốc ngữ trong vòng ba mươi năm nay.

Thế nên chúng tôi mạo muội trình bày ra đây bản thống kê văn học quốc ngữ từ 1914 đến 1941.

(Nhưng tại sao lại trình bày kể từ 1914 ?

Vì văn học quốc ngữ từ buổi phôi thai tới

(1) Đã ra quyển I. Tân-Việt xuất bản

giờ tất ai cũng biết có hai phái gây được nhiều ảnh hưởng hay, xây dựng được nhiều lâu đài văn nghệ tốt đẹp nhứt : ấy là phái **Nam Phong** *và phái* **Đông-Dương tạp chí.**

Phái sau này lại thành - lập năm 1914 — một năm đáng ghi nhớ của văn học sử Việt Nam).

. . . Và trình bầy, chúng tôi lại chỉ theo cách thô sơ của một kẻ ghi chép quyển sổ tay mình thôi.

Việc phân loại văn chương kỹ càng, sắp đặt các nhà văn thành phái rõ rệt, chúng tôi cũng ỷ lại vào các bực đàn anh chân tài thiệt học sau này.

Dám mong các bực ấy tha thứ cho chúng tôi cái tội ỷ lại ấy !

Và trước khi dừng bút, chúng tôi còn yêu cầu độc giả thân yêu đừng cố tìm trong sách này một trật tự rõ ràng. Vì chân, nó chỉ đựng trong lòng nó có một trật tự nội-tại thôi.

31 Décembre 1941

Võ phi Hùng, Cựu HS Petrus Ký, 67-74
gởi tặng Kho sách xưa của Quán Ven Đường

BÁO CHI

Trái với các nước văn minh tiến tiến Châu Âu mà văn học thường đi trước báo chí, nước ta từ buổi văn học phôi thai tới giờ biết được một trào lưu trái ngược : là *báo chí đi trước văn học.*

Nay nói khác : **Báo chí hướng-đạo, gầy-dựng văn học**

Các nhà trứ thuật nước ta, trước khi nổi danh, hầu hết đều tập sự hay có một thời kỳ thi nghiệm ngòi bút trên báo chí quốc âm.

Hữu công trong sự gây dựng thiên tài trước nhứt có lẽ là tờ *Đông Dương* tạp chí rồi mới đến tờ *Nam Phong.*

Đông Dương tạp chí ra đời năm 1914, sống đến 1918 đổi làm *Trung Bắc tân văn*.

1914 — 1918 : 4 năm sống còn !

Nhưng biết bao công trạng đối với việc gây dựng nền tảng đầu tiên cho văn học quốc ngữ. Rất nhiều danh sĩ hiện tại như Vũ Trọng Phụng (1911 — 1939), Nguyễn công Hoan, Tam Lang đều tự nhận xuất thân trong lò Đông Dương tạp chí, chịu ảnh hưởng mật thiết của các bậc đàn anh bấy giờ biên-tập báo ấy.

Các bực đàn anh ấy, từ bao giờ đến bao giờ, đều được coi như những kiện tướng không tiền tuyệt-hậu trên đàn văn ; lúc sanh tiền được kẻ đồng thời ngưỡng mộ kính mến ; khi qua đời, lại được hậu thế sùng bái nhắc nhở luôn... Phương danh họ, sự nghiệp họ cùng đi đôi đến cõi muôn năm bất tử.

Ngoài Nguyễn Bá Học (1857-1921), Nguyễn văn Vĩnh (1892-1936), Nguyễn khắc Hiếu (1889-1939) — toàn những biên tập viên đắc lực của Đông Dương tạp chí —, Phan kế Bính, hiệu Bưu Văn (1875-1921), trong tạp chí này, có một công to với văn học quốc ngữ : dịch

Việt Nam diễn lệ toát yếu (1915-1916) của Hiệp Đỗ, *Đại Nam nhứt thống chí* của Hiệp Cao (1916) *Việt Nam khai quốc chí truyện* của Nguyễn bảng Trung (1917), *Đại Nam liệt truyện tiền biên* (1918).

1918 cũng chính là năm Phan kế Bính biên-tập *Việt Hán văn khảo*, sau in thành sách, được nhận làm sách giáo khoa.

Phan kế Bính có kẻ cho là «*Amyot Nam Việt*» thiết tưởng cũng không phải là quá đáng. Đem công trạng Amyot đối với văn học sử Pháp buổi phôi thai đối-chiếu với công trạng Phan kế Bính có với văn học quốc ngữ thời ấu trĩ, sự chênh lệch quyết chẳng là bao.

Trong số biên tập viên Đông Dương tạp chí, tả còn đếm được Trần trọng Kim, Phạm Quỳnh mà cái sở năng sở đắc về Hán học, Tây học trong việc trứ thuật, thiết tưởng người trong nước ngày nay ai ai cũng đều thán phục.

Sau Đông Dương tạp chí 3 năm, báo *Nam Phong* do Phạm Quỳnh chủ chương số 1 ra đời nhằm ngày 1er) Juillet 1917, mục đích là :

«*. . . thế cái chủ nghĩa khai hóa của nhà*

nước, biên tập các bài bằng quốc văn, hán văn và pháp văn, để giúp sự mở mang trí thức, giữ gìn đạo đức trong quốc văn annam, truyền bá các khoa học của Thái Tây, nhất là học thuật tư tưởng Đại pháp, bảo tồn cái quốc túy của Việt-Nam ta, cùng là bình vực quyền lợi người Pháp, người Nam trong trường kinh tế.

Báo Nam Phong lại **chủ ý riêng về sự luyện quốc ngữ cho thành một nền quốc văn Annam (1) »**

Làm sách *Phê bình và Cảo luận*, Thiếu Sơn có đoạn nói đến sự nghiệp báo Nam Phong :

« Có nhiều người không biết đọc văn Tây văn Tàu chỉ nhờ Nam Phong hun đúc mà cũng có được cái trí thức phổ thông, tạm đủ sinh hoạt ở đời. Có nhiều ông đồ nho chỉ coi Nam Phong mà cũng biết được đại khái những văn chương học thuật của Tây phương. Có lắm ông đồ Tây chỉ coi Nam Phong mà cũng hiểu qua được đôi chút cái tinh thần văn hóa Đông Á »

Nước Tàu có nền văn học báo chương, mở đầu bởi *Lương Khải Siêu* ;

Nước ta, có thể bảo, nền văn học báo chương bắt đầu với Phạm Quỳnh.

Nhân nhắc đến Lương khải Siêu và Phạm Quỳnh một lúc, một liên tưởng cho chúng tôi ý nghĩ này : sự nghiệp của hai danh sĩ này, bởi chỉ thiên về báo chí, nên lời văn cả hai chỉ là một thứ văn chương khả dĩ dùng viết báo thôi. — Chính Lương Khải Siêu cũng hằng tự nhận rằng : « *văn chương Khải Siêu không phải là đồ có « giá trị danh sơn », chứa đề lâu dài được ; chỉ để công hiến cho quốc dân trên báo chương trong vài tháng thôi. Vì văn chương Khải Siêu cốt ở mục đích cứu thời cứu thế, cần phải uốn đi nắn lại nhiều lần mới hoàn toàn được ; và phương châm của nó cần phải thay đổi luôn ; bởi nên xin hải nội chư duyệt giả đừng vội theo lời tôi mà có khi lầm lạc* »

Còn văn Phạm Quỳnh, theo lời Thiếu Sơn, thì « có vẻ trang nghiêm đài các quá mà không được giản dị phổ thông » ; nhưng theo thiển ý thì chưa được điêu luyện, bởi kém dụng công ! Phạm Quỳnh viết văn chỉ chú trọng ở *đạt ý* mà không quan tâm *ở hoa mỹ* ;

bởi nên văn Phạm quân nhiều câu rất lủn củn, dài thườn thượt, đọc tối nghĩa làm sao !...

Nhưng cả hai Lương, Phạm viết báo đều có nhiều chỗ quảng kiến đa văn đáng cho quốc dân tín nhiệm ngòi bút. Những bài báo của hai ông tuy đặc sệt một lối văn báo chương nhưng khi đem in thành sách vẫn được đa số quốc dân thán thưởng.

Ở đây thiết tưởng cần phải mở một dấu ngoặc nhắc chừng người đọc đừng cố lầm lẫn nền văn học báo chương với lịch sử báo giới, khai sáng bởi tiên hiền Trương Vĩnh Ký, với tờ *Gia định công báo* là tờ báo có trước nhứt ở xứ ta vào năm 1867.

Sau Gia định công báo, các tờ : *Đại Nam đồng văn* sau đổi làm *Đăng cổ tùng báo* (tờ sau này ra đời năm 1908, do Nguyễn-văn-Vĩnh chủ bút, chính là viên gạch đầu tiên trong việc xây dựng làng báo Bắc Hà) *Đại Việt tân báo*, *Nông cổ mín đàm*, *Nam kỳ kinh tế*, *Lục tỉnh tân văn*, *Nam Trung báo*, *Công Luận* báo (tên ba tờ sau này nhắc lại cho ta nhớ lại phong trào bút chiến buồn cười của làng báo Nam-kỳ hai ba chục năm về

trước (1)) ngoài bắc trong Nam, thi nhau lần lượt ra đời ; nhưng toàn chẳng đủ điều kiện bưng kẻ chủ trương nó lên địa vị một « Lương khải Siêu Nam Việt » bằng tờ Nam Phong của Phạm Quỳnh.

Những tạp chí bán nguyệt san xuất bản sau Nam Phong (*Hữu Thanh*, *Đông Thanh*, *Annam tạp chí*, *Văn học tạp chí* v.. v..), cùng đeo đuổi một mục đích na ná như Nam Phong đều không bì kịp Nam Phong ; và rồi cùng dắt tay nhau lũ lượt đi đến nấm mồ báo chí.

Khi tờ Hữu Thanh chết, một biên tập viên của nó, Đào trinh Nhất, ở Bắc vào Nam ; cùng với Bùi thế Mỹ, Phan Khôi (người Trung) đứng coi sóc tờ *Phụ nữ tân văn* cho Nguyễn đức Nhuận, có Phan văn Hùm (người Nam) trợ bút.

Phụ nữ tân văn là nơi họp mặt của ba nguồn văn Trung Nam Bắc, nên có tánh cách rất phổ thông. Người trong nước, ai đọc qua cũng am hiểu và hoan nghinh.

Sau khi Phụ nữ tân văn chết, Đào trinh Nhất

---

(1) Xem rõ thêm nơi « Phần Phụ lục ».

nhập tịch luôn vào làng báo Nam-kỳ ; về chủ trương mấy tờ *Đuốc nhà Nam* ; *Việt Nam* cho Nguyễn phan Long, *Việt-Dân*, *Tân-Văn*, *Thế giới lân văn* cho Phan văn Thiết ; sau lại hùn hiệp với Vân Trình mở ra tờ *Mai* danh tiếng.

Tờ Mai về sau Vân Trình giao luôn cho Đào Quân làm chủ một mình. Được trọn quyền, Đào Quân một mặt tiếp đón các văn phẩm khảo cứu, nghị luận của Lê Thọ Xuân, Ngô Tất Tố, Phan Khôi, Thiếu Sơn, mặt khác chọn lọc khuyến khích các cây bút trẻ tuổi giàu hy vọng : Nguyễn-tấn-Phương, Đông-Chi, Lãng-Tử v. . v. . .

Công trạng *Mai* đối với văn học quốc ngữ miền Nam, phi tờ Phụ nữ tân văn (đã nương đỡ Hồ - biểu - Chánh, Phan - huấn - Chương, Nguyễn-thới-Xuyên), quyết chẳng còn tạp chí nào sánh kịp.

Tờ Mai đang tiến bộ một đà, thoát ngộ một tai nạn : Đào Quân bị « đưa » về Bắc. *Mai* từ trần để lại biết bao tiếc thương cho độc giả Nam-kỳ hiện nay.

Về Bắc, Đào Quân chủ trương tờ *Trung*

Bắc chủ nhật, độc giả Nam-kỳ đa số của tờ Mai lại quay về tờ Trung Bắc tìm bạn cũ.

Ở Bắc bà, sau khi hai tờ *Ngày nay* và *Chủ Nhật* nối gót *Phong hóa* từ trần, bên cạnh *Tiểu thuyết thứ bảy*, có lẽ Trung Bắc chủ nhật là tờ báo chạy nhứt.

Người ta đồn : Đào trinh Nhất là nhà viết báo đi đến đâu gây dựng đến đó, gẫm thật không sai !

Ở Nam-kỳ, khi tờ Mai của Đào Quân lịm rồi, tờ *Văn Lang*, cơ quan của một nhóm bác sĩ, cũng chết theo.

Trong mộ địa báo chí Nam-kỳ trước Ma và Văn Lang kể ra còn lắm tờ giá trị đáng kể tên : *Đồng Nai* tạp chí của bác sĩ Nhã, *Tân Á* của Trương-vĩnh-Tống, *Sống* của Đông Hồ, *Trung Lập* của Trần-thiện-Quí, *Đông Pháp* sau đổi làm *Thần chung* của Nguyễn kim Đỉnh, Diệp văn Kỳ (Tên hai tờ sau này nhắc cho ta nhớ lại phong trào bút chiến buồn cười của làng báo Nam-kỳ hai ba mươi năm về trước (2).

Ở Nam kỳ, hiện còn sống vẽn vẹn tờ :

---

(2) Xem rõ thêm nơi « phần Phụ lục ».

Đông dương tuần báo, được một ít giá trị.

... Trở lại làng báo Bắc hà !

Hoàng-Tích-Chu và Đỗ-Văn ở Pháp, một ông học nghề viết báo một ông học nghề in về nước : cải cách về ngoại dung hình thức, công việc của họ Đỗ; cải cách về văn chương viết báo : họ Hoàng đảm nhận

« Năm 1927, cùng ở Paris với nhau, tôi (lời nhà viết báo Đào trinh Nhất) thấy anh Chu nghiện báo *Quotidien*, là một trong mấy tờ báo viết hay và xếp đặt khéo nhất ở kinh đô Pháp đương thời. Nhiều hôm, dễ thường cạn tiền ăn, cũng phải bớt ra năm xu mua tờ *Quotidien*, là vì anh nghiện bài thời bình mỗi ngày, ký tên Pierre Bertrand, chỉ viết mỗi câu một hai giòng, mỗi bài hơn nửa cột báo là nhiều, mà đặt chữ rất khéo, tư tưởng chứa chan, rõ ràng, ai xem cũng phải lấy làm thích. Hoàng quân thường nói với tôi.

— *Mai sau chúng ta về nhà viết báo, phải cách mạng văn chương, đem dùng lối văn giọng một như thế này mới được.*

« Quả nhiên, hai năm sau trở về Hà-thành, bắt đầu chủ trương biên tập *Ngọ báo* ra đến

Đông Tây, Hoàng quân mạnh bạo thực hành ngay lối viết văn mới như kiểu Bertrand, mặc ai yêu ghét khen chê. Lối văn ấy mạnh mẽ gọn gàng, có một vẻ hay riêng, nhất là người đọc dễ hiểu và dễ kích thích (1) ».

Văn chương sáng sủa của Đông-Tây, cú-đậu theo Pháp văn, lúc bấy giờ ban đầu bị công kích dữ dội bởi những tờ *Thực-Nghiệp*, *Ngọ báo*, *Trung - Bắc*, *Đông - Pháp*, nhưng rồi vượt qua tất cả biến cố, được đa số quốc dân hoan nghinh

Bùi thế-Mỹ, đứng chủ trương tờ *Trung Lập* ở Nam - Kỳ lúc này, thường viết lên mặt báo những khuôn nhỏ : « cùng các bạn gởi bài lai cảo. Các bạn nên viết theo lối văn sáng sủa của báo Đông-Tây ».

Xem đó, ta đủ biết làng văn, làng báo bây giờ hoan nghinh văn chương Đông - Tây là dường nào...

Sang năm 1932 !

Hoàng - kế - Thương, Tích - Chu từ trần. (Nhưng ảnh hưởng họ Hoàng trong văn học

---

(1) Đào trinh Nhất : Thử tìm long mạch của tờ báo ta. Trung Bắc chủ nhật số 104 ra ngày 29-2-42.

quốc ngữ ngày nay vẫn còn ở các ngòi bút Trương-Tửu, Nguyễn-Tuân, Đỗ-đức-Thu, Nguyễn-khắc-Mẫn, Vũ-Bằng).

1932 !

Lại cũng là năm nhóm **Tự lực văn đoàn** ra đời một lượt với tờ *Phong-Hóa*. Nhóm ấy do ba cây trụ chánh (Khái-Hưng, Nhất-Linh, Thế-Lữ) thành-lập, lần lượt thêm vào : Thạch-Lam, Hoàng-Đạo, Tú-Mỡ, Trọng-Lang, Xuân-Diệu, Trần-Tiêu, Đồ-đức-Thu, Huy-Cận, Mạnh-phú-Tư v. . . v. . .

Tự-lực văn-đoàn mỗi năm có phát giải thưởng văn chương khuyến khích nhân tài. Nhưng rất tiếc giải thưởng T L V Đ chỉ là một giải tặng ròng cho các loại tiểu thuyết, phóng sự, thơ ca, kịch bản, chớ chẳng hề có tặng cho một tập văn nghị luận, khảo cứu phê bình nào(!)! Phạm vi một giải thưởng văn chương mà chật hẹp như thế, thật đáng phiền hà lắm.

Tờ *Phong-Hóa* của Tự lực văn đoàn, với các tiểu thuyết của Khái-Hưng, Nhất Linh, mở đường cho lối văn lãng mạn ở Pháp du nhập sang văn học quốc ngữ.

1932 tức là năm dân Việt-Nam bi quan,

chán nản !.. Do đó, tiểu thuyết lãng mạn thác-sanh với những giọng du dương, dễ làm êm dịu lòng họ. Báo Phong-Hóa sở dĩ được hoan nghênh là nhờ trường hợp này.

Nhà in Tân-Dân chợp ngay lấy cơ hội, mở tờ *Tiểu thuyết thứ bảy* ; gọi về hai cây đàn du dương Thanh châu, Ngọc giao ; tuyển thêm một số văn - sĩ nữa (Lưu - trọng - Lư, Lan-Khai, Lê - văn - Trương, Nguyễn-công-Hoan v. v. !.) để đương đầu với Tự Lực văn đoàn.

Tiểu thuyết thứ bảy đăng tiểu thuyết kiếm hiệp của Nghiêm-xuân-Lãm, Nguyễn-đỗ-Mục dịch, « câu » được rất nhiều độc giả, không mấy chốc rồi có thanh thế lớn ; mỗi ngày một khuếch trương thêm : *Ích - Hữu*, *Phổ thông bán nguyệt san*, *Tao Đàn tạp chí* lần lượt ra đời.

Nhưng rốt cuộc ngày nay Tân - Dân chỉ còn nuôi sống nổi có hai tờ *Tiểu thuyết thứ bảy* và *Phổ thông bán nguyệt san*, chuyên đăng truyện dài, truyện ngắn.

Còn *Ích - Hữu*, trước giao cho Vũ - Lang (1912-1936) chủ trương, dùng làm cơ quan

tuyên truyền văn chương ủy mị ; sau giao cho Lê-văn-Trương, Trương-Tửu dùng tuyên truyền triết lý sức mạnh, văn chương tranh đấu, đàn hặc văn chương phù phiếm, hoa lệ của Tự lực văn đoàn cũng không sống nổi !

Và tờ *Tao Đàn*, tuy có tôn chỉ đứng đắn, cũng bị độc giả thờ ơ, rồi đành thoi thóp. Những bài nghị luận khảo cứu giá trị trên tạp chí này của Nguyễn-triệu-Luật, Ngô tất-Tố, Phan Khôi chừng như không giá trị bằng truyện ngắn truyện dài trên Tiểu thuyết thứ bẩy và Phổ thông bán nguyệt san.

Trình độ thấp kém của độc giả nước ta đã giết chết bao nhiêu tập chí, tuần báo giá trị rồi ? Hãy tính thử : nào Hữu Thanh, Đông Thanh, Annam tạp chí, Tao Đàn v. . . v . . chí những tờ *Tin Văn* của Thái Phỉ, chuyên về phê bình mỗi số bán có 5 xu, cũng không sống nổi !

Gần đây, nhân phong trào Hán học hồi-phục lại trong nước, độc giả thấy giác ngộ được ít nhiều. Vì đó, các tờ *Loa*, *Hanoi báo*, *Tiểu thuyết thứ năm*, phụng sự cho một bọn tài hoa son trẻ, chết không ai thương

tiếc ; và độc giả bắt đầu hoan nghinh những tờ *Nước Nam*, *Thanh-nghị*, *Tri-Tân*.

Chương này, như độc giả nhận thấy nói rất nhiều về làng báo Nam Bắc. Làng báo Trung kỳ cơ hồ như bị tác giả bỏ quên.

Vâng, có lẽ làng báo Trung kỳ đáng bỏ quên thật. Vì nó hơi lèo tèo! Tuy nhiên, trước khi chấm dấu hết chương này, tưởng cũng nên nói qua loa về báo chí ở địa phận giải Hoành-Sơn cho khỏi phụ lòng cụ Minh-Viên Huỳnh thúc Kháng — chủ bút tờ *Tiếng dân* — đáng làm đại biểu báo giới miền Trung.

Ở Trung kỳ, ngoài tờ *Tiếng dân* danh tiếng, còn đếm được : *Tràng An*, *Sông-Hương*, *Đất-Việt*, *Cười*, *Bạn đường*, hiện chết hầu hết. Thật là buồn !

THƠ CA

« Thơ là lòng người cảm vật ngoài mà hình-hiện ra ở khi nói (1) ».

« Tiểu thuyết, ký sự, luận thuyết, diễn thuyết là những văn chương hữu dụng, còn thơ phú, ca dao, có vần có điệu, chỉ dùng để ngâm nga, không suy ra sự thực. . . *Những lối ngâm hoa vịnh nguyệt dù hay cho quỷ khóc thần kinh cũng không đáng giá một đồng tiền kẽm.* »

Đó là luận điệu của Nguyễn-bá-Trạc đối với thơ ca. Còn phê bình thi sĩ, Phạm-Quỳnh lại viết :

---

(1) Lời Châu Hi trong *Kinh-Thi*. — Bản dịch của Tản-Đà, Nghiêm-thương Văn, Đặng-đức-Tô trang 7.

« Ông [chỉ Tản Đà] làm thơ nôm giữa lúc người ta cho rằng ; « *vận văn chỉ là cai đồ thích tình đào tình, tiêu khiển trong lúc trà dư tửu hậu* »

Cụ Nguyễn và ông Phạm thật đắc tội mà võ-đoán thơ ca, miệt-thị thi sĩ.

Thơ ca có giá trị văn chương đặc biệt của nó,

Nhà thi sĩ đại biểu cuối cùng của nền thơ cũ Việt-Nam : Tản Đà tiên sanh Nguyễn-khắc-Hiếu, cùng với một nhóm thi sĩ đồng thời và các nhà thơ mới gần đây, đã gây hiệu lực cho câu ấy.

Sau Cao-ba-Quát, Tú Xương, ta thấy một Tản-Đà **ngông.**

Sau Nguyễn công-Trứ, Hồ-xuân-Hương, ta thấy một Tản-Đà **ham chơi.**

1· Cái ngông của Tản Đà có 2 tánh cách : *ngông nho sĩ* và *ngông thi sĩ.* Cái ngông nho sĩ của tiên sanh, ta đã tìm thấy ở các nhà nho bất đắc chí : Tú-Xương, Cao · bá - Quát (Tánh ngông của cáo nho sĩ là triết lý của kẻ chiến bại tự trọng). — Cái ngông thi sĩ là một biến thái của cái ngông nho sĩ. Nhà nho ngông để tự hào. Thi sĩ ngông để bộc

lộ tâm tình. Tản-Đà thi sĩ, vì thất chí nên ngông. Ngông rồi lắm thơ chỉ nói đến mình, ca tụng có mình (2), để Phạm-Quỳnh phải phát cáu mắng: « Người ta, phi người cuồng, không ai trần truồng mà đi ngoài phố. Nhà làm sách cũng vậy, không ai đem cái thân thế mình mà làm chuyện cho người đời xem ».

Vì ngông, Tản-Đà chỉ muốn làm bạn với người trong mộng: nàng **Chu kiều Oanh**. Mấy lần mộng, mấy lần « lên trời », gởi thơ

---

(2) *« Sông Đà núi Tản đúc nên ai,*
Thân thế xưa nay được mấy người ! »

. . . . . .

« Trời lại phê cho : « văn thật tuyệt ! »
Văn trần được thế chắc có ít.
Nhời văn chuốt đẹp như sao băng,
Khí văn hùng mạnh như mây chuyển,
Êm như gió thoảng, tinh như sương,
Đầm như mưa sa, lạnh như tuyết.
Chẳng hay văn sĩ tên họ gì
Người ở phương nao ta chẳng biết ?
— Dạ bẩm lạy trời con xin thưa :
Con tên Khắc-Hiếu họ là Nguyễn,
Quê ở Á-châu về Địa cầu,
Sông Đà núi Tản nước Nam-Việt »

lên cung trăng hỏi chị Hằng làm vợ.., từng ấy bành vi văn chương chỉ đủng đỉnh tiên sanh thoát khỏi thực tế. Nhưng mộng rồi cũng có lúc tan, thi sĩ Tản-Đà :

Tỉnh rồi lại muốn mộng mà chơi
Nghĩ đời lắm lúc không bằng mộng,
Tiếc mộng bao nhiêu để chán đời ! . . .

2· Chán đời thi sĩ lại ham chơi :

Thế sự nhất phù vân chi cảnh
Những ai mê ai tỉnh đã ai ai ?
Khéo vô đoan khóc hão lại thương hoài,
Thú trần giới có ăn chơi là bực nhất.

Nhưng cái chơi của thi sĩ lại chẳng phải là cái chơi phàm tục mà là cái chơi « xử thế nhược đại mộng » của Lý-Bạch, cái chơi « thơ... rượu » của Edgar Poë.

Công danh sự nghiệp mặc đời,
Bên thời be rượu, bên thời bài thơ.

Cái chơi của thi sĩ Tản-Đà thật là thú vị. Làm sách *Phê bình và cảo luận*, Thiếu Sơn đã có lần trầm trồ cái chơi ấy : « Thú vị thay ! chơi mà cũng gây nên ảnh hưởng, nghĩ như ông Nguyễn-khắc-Hiếu thực cũng đã sướng một đời ».

Trong làng thơ cũ, bên cạnh tác giả *Khối*

tinh con, văn học quốc ngữ còn có Sào-Nam Phan-bội-Châu, Á-Nam Trần-tuấn-Khải.

Sào-Nam và Á-Nam là hai tâm hồn rất nặng lòng với quê hương đất nước. Cụ Sào-Nam trong *Sào-Nam thi tập* có những vần rất nhiệt thành. Còn Á Nam lại đã từng than thở :

« . . . *Một gánh giang san, cuộc văn chương dẫu đến khi tàn, mà ngọn* Bút quan hoài *biết bao giờ cho ráo mực ; thì những lúc đêm suông cảnh vắng, tuyết đọng sương gieo,* « hồn luỵ kim sinh » (1) *vời trông cảnh tượng xa xa để hồ im tiếng.*

— Than ôi ! một việc văn chương, ngàn xưa tấc dạ ; ba sinh hương lửa trăm mối tơ tằm, khóc khóc, than than, cười cười, nói nói, chẳng qua là cảnh tượng phù sinh hoặc cũng vấn vương chi đấy !

— Đờn vui ai gảy ? !

— Lệ tủi ai pha ? !

Giời Nam bể Á bao la,
Nụ cười vơ vẩn là ta với mình.
Nam chi duyên nợ phù sinh ?

---

(1) Một tên khác của *Duyên nợ phù sinh* I xuất bản 1928.

Ngày thu luống để vương tình nước non !! (1) »

Xem mấy bài « Hai chữ nước nhà », « Hỡi cô bán nước ! » trong tập *Bút quan hoài*, bài « Gánh nước đêm » trong tập *Duyên nợ phù sinh*, ta tất rõ được tấm lòng ái quốc của Á Nam (Tấm lòng ấy gần đây nhiều kẻ biết rõ Á-Nam, cho rằng không được thành thật !)

Nhưng Phạm-Quỳnh năm 1921, trong một số Nam-Phong, phê bình bài « Gánh nước đêm (2) của Á-Nam, có những lời quá đáng :

« Đó là cái tình cảnh một chị nhà quê gánh nước đêm, nhưng ở đời há chẳng có

---

(1) Đoạn chót bài tựa quyển *Duyên nợ phù sinh I*

(2)

« Em bước chân ra,
Con đường xa tít.
Con sông mù mịt
Bên vai kĩu kịt,
Nặng gánh em trở ra về
Ngoảnh cổ trông sông rộng trời khuya...
Vì chưng nước cạn nặng nề em dám kêu ai.
Nghĩ tiếc công cho bà Nữ Oa đội đá vá trời,
Con đã tràng lấp bể biết đời nào xong !
Cái bước đêm khuya thân gái ngại ngùng.
Nước non gánh nặng, cái đức ông chồng hay
Em trở vai nay !... » hỡi có hay ?

những người chí khí khác thường, cũng từng nặng lòng vì gánh nước, nôm, mà những khi đêm khuya khoảng vắng, thở dài mà thán-tích cho cái công bà Nữ Oa đội đá vá trời, con dã tràng lấp bể vì « đức ông chồng » là kẻ quốc dân kia thường không biết cho cái nông nỗi đau lòng, cái công phu khó nhọc...»

Bấy giờ là năm 1932, sự yên tĩnh trở lại trong tâm hồn Việt-Nam. Nhưng sự thất đảm ở đó vẫn chưa tiêu tán hết. Người ta bi quan! Nên những vần thơ cũ khô khan không yên ủi người ta được. Người ta không thích nó nữa. Các nhà báo lo tìm sở thích mới cho độc giả. Báo *Đông-Tây* trước nhứt phát-kiến được những « khúc tiêu sầu » của Lãng-nhân Phùng tất Đắc, nó là một thể tản văn du dương, đầy âm điệu :

I

Tặng bạn đóa hoa hồng, bạn đánh rơi xuống đất.

Nhặt lên bụi đã trắng hoa rồi. Thương ôi! Mới trong khoảnh khắc, khối tình đôi ta đã phủ một lần tuyết lạnh.

Bụi trần

II

Sáng hôm qua, không cầm được nỗi mừng, sáng hôm nay, khó đuổi quá cơn giận. Đàn chim bay tạt đưa theo ngọn gió hiu hiu. Rót chén rượu đầy, ngẩng trông mây nước, nhắp mồi đặt khối sầu đắm vào trong rượu mà sầu chẳng hết cho..,

Dưới cõi đời gió bụi, những khi cảnh chẳng chiều người, bạn ơi! tôi cũng muốn như ai, quẳng thân vào chiếc thuyền nan, rủ mái tóc tung ra trước gió, mặc cho sóng cả thuyền trôi...

Tiễn bạn

« Khúc tiêu sầu » ban đầu được đa số độc giả hoan nghinh. Nhưng rồi ai cũng dễ chán! . . Vì nó bình lên tuy « kêu » thật, nhưng rỗng tuếch!

Phan-Khôi là kẻ đầu tiên không ưa những « khúc tiêu sầu ». Bắt chước lối thơ mới của Hồ-Thích xướng ra ở Tầu hồi Tân văn hóa vận động — một lối thơ không vần, luật

chi hết, đựng trong tập *Trường thi thư* (1) của Hồ —, Phan - Khôi đưa ra bài « Tình già » :

Hai mươi bốn năm xưa, một đêm vừa gió lại vừa mưa...

Dưới ngọn đèn mờ, trong gian nhà nhỏ hai cái đầu xanh kề nhau than thở :

— Ôi đôi ta, tình thương nhau thì vẫn nặng mà lấy nhau hẳn đà không đặng.

Để đến nỗi tình trước phụ sau, chi cho bằng sớm liệu mà buông nhau !

— Hay nói với bạc làm sao chớ ! Buông nhau làm sao cho nỡ ?

---

(1) *Cuốn* Trường thi thư *của Hồ-Thích (Tây dịch là* Livre de l'essai continuel*) theo tên nó, là một tập thơ vẫn còn trong phạm vi thí nghiệm. Hồ có làm một bài mở đầu rất dài, giải rõ quan niệm mình đối với thơ mới : bỏ đối, bỏ dùng điển tích, thông dụng tiếng của đại chúng là ba điều cải bỏ của Hồ trong chủ nghĩa* Bất bát *(Xem rõ về chủ nghĩa này trong bộ* Trung Quốc triết học sử đại danh *của Hồ Thích)*

Thơ mới Hồ Thích rất lầm thường. Tập Trường thi thư *sở dĩ được nghệ sĩ để ý là nhờ bài tựa của nó*

Thương được chừng nào hay chừng ấy, chẳng qua Ông Trời bắt đôi ta phải vậy !

Ta là nhân ngãi đâu có phải vợ chồng mà tính việc thủy chung !»

. . . . . .

Hai mươi bốn năm sau, tình cờ đất khách gặp nhau :

Đôi cái đầu đều bạc. Nếu chẳng quen lưng đố có nhìn ra được ?

Ôn chuyện cũ mà thôi. Liếc đưa nhau đi rồi, con mắt có đuôi.

Sau bài « Tình già » ngô nghê, năm 1933 ba thi sĩ trẻ tuổi Thế - Lữ, Lưu - trọng - Lư, Nguyễn-Vỹ có thơ mới đăng trên mặt báo Phong-Hóa.

Trong số Phong Hóa mùa xuân 1933, Lưu-trọng - Lư rụt rè dưới một thự - danh, viết những giòng cổ động này cho thơ mới :

« Cái lối thơ mới của chúng ta là đương ở vào cái thời kỳ phôi thai, thời kỳ tập luyện và nghiên cứu. Không biết rồi đây, nó có đến chỗ thành công hay là nửa đường bị đánh đổ. Đó là sự bí mật của lịch sử văn học mai sau ! Dẫu thế nào, nó cũng có cái giá trị là giúp cho tự do phát triển của thi

ca, đưa thi ca đến một chỗ cao xa, rộng lớn, nó như thúc giục, như khêu gợi, như kêu gọi nhà thi nhân ra làm một cuộc canh tân, dầu có thất bại, thất bại vì lòng mong ước quá cao, thì nó cũng đã hiến cho ta một cái công lớn : nó chính là một tiếng chuông cảnh tỉnh làng thơ giữa lúc đương triền miên trong cõi chết. . . »

Và trước Lưu quân, trong một số *Phụ nữ tân văn* (ra ngày 24-10-1929), nhân bàn về « văn thơ với nữ giới » ông Trịnh-đình-Rư cũng đã có lời cổ động cho thơ mới :

« Lối thơ Đường luật bó buộc người ta thật khó. Nào là phải lựa chữ bằng trắc mà đặt câu, nào là phải tìm tiếng gieo vần cho được đúng. Nhất là bài bát cú thì lại còn phải câu nọ đối với câu kia mà những câu phá, câu thừa, câu thích thực, câu luận, câu kết v... v.., phải theo từng câu mà dàn xếp cho từng thứ không thể lộn xộn được.

« Kể tập thơ Đường luật đã hiểu qua cách đặt câu gieo vần rồi nhưng lúc hạ bút làm thành bài lại còn có nhiều cái khó nữa, nào là thất - niêm, khổ - độc, nào những bệnh nọ bệnh kia, phải cân nhắc từng ly từng chữ...

Cái nghề thơ Đường luật khó đến như thế, khó cho đến nỗi kẻ muốn làm thơ mỗi khi có nhiều tư tưởng mới lạ muốn phát ra lời song vì khó tìm chữ đối, khó tìm vần gieo nên ý tưởng dù hay cũng đành phải bỏ bớt. Cái phạm vi của thơ Đường luật thiệt là hẹp hòi, cái quy củ của thơ Đường luật thiệt là tần mần. *Ta nếu còn ưa chuộng mà noi theo lối thơ này mãi thì nghề thơ văn của ta chắc không bao giờ mong cho phát đạt được vậy.*»

Tuy nhiên những lời cổ động bùng hồn của hai ông Trịnh đình Rư và Lưu trọng Lư trên đây vẫn không nhứt thời đánh bẹp được thơ cũ.

Trong làng thơ cũ, có kẻ nổi lên phản kháng...

Rồi thơ mới, thơ cũ xung đột nhau!...

Người ta đem cả hai làm vấn đề cãi nhau trên diễn đàn (Manh Manh nữ sĩ — Nguyễn văn Hanh), trên báo chí (Tản Đà — Lưu trọng Lư, Lê tràng Kiều, Thái Phỉ, Thế Lữ — Nguyễn-Vỹ)

Hầu hết các cuộc tranh biện giữa làng thơ mới và làng thơ cũ, độc giả bao giờ cũng thiện cảm với làng thơ mới hơn. Chỉ có đối

với cuộc tranh biện giữa Lản Đà và Lưu trọng Lư trên mặt tờ *Tiểu thuyết thứ bảy* (tháng Janvier 1935), là độc giả hơi phân vân, không nhất quyết thiên hẳn về bên nào. Vì Lưu trọng Lư là nhà thơ mới nổi tiếng, mà Tản Đà lại là nhà thơ cũ hữu danh. Một mới, một cũ cùng tương đương. Đối với ông nào, độc giả cũng cho là phải.

Mãi đến sau khi Tản-Đà tiên sanh tạ thế, làng thơ cũ không còn ai đại diện đích đáng nữa, bấy giờ độc giả mới chịu quay hẳn về với làng thơ mới. Nhưng chúng tôi cũng nghĩ với ông Phan-văn-Hùm rằng :

« Thơ cũng như mọi sự mọi vật khác trong vũ trụ cũng có sanh mạng, cũng có lịch sử dinh hư tiêu trưởng của nó, cũng phải « biện chứng » hóa chuyển luôn luôn. Nhận rõ cái lịch trình biện chứng (processus dialectique) thì có lạ gì sự mới cũ phân tranh. Trái trở lại, lại còn phải nhận rằng đến một cái quá-trình kia, thì thơ mới bây giờ sẽ già cỗi mà bị mời vào trong viện cổ vật học (1) »

---

(1) Phan-văn-Hùm : — Bài tựa quyển « Nói chuyện về thi mới thi cũ » của Nguyễn-văn-Hanh, 1935.

Làng thơ (mới lẫn cũ) của văn học quốc ngữ trong vòng mười năm nay đếm được :

Đông Hồ, sau những vần *Thơ Đông Hồ* (1932) cũ kỹ, cả ngợi *Cô gái xuân* (1935) ;

Lan-Sơn thi-vị-hóa mối tình giữa *Anh với em* (1934) ;

Phạm - huy - Thông, trong khi *Yêu đương* (1933) có *Anh Nga* (1934) và cô *Tần Ngọc* (1937), trầm hùng cao đưa *Tiếng địch sông Ô* (1935) ;

Nguyễn - Vỹ trong *Tập thơ đầu* (1934) có hơi thơ dài như gió lướt ;

Đỗ-huy-Nhiệm sau *Khúc ly tao* (1934) dệt *Thiên diễm tuyệt* (1936) ;

Lắng nghe *Tiếng thông reo* (1934), Bàng Bá Lân cùng Anh Thơ gảy khúc đàn *Xưa* (1941) ;

Thế Lữ đột ngột nảy *Mấy vần thơ* (1935) du dương như « Tiếng sáo Thiên Thai » ;

Phan - văn - Dật *Bâng khuâng* (1935) vào những buổi chiều rơi nhẹ ;

Nguyễn nhược Pháp (1914-1938) *Ngày xưa* (1935) đi viếng Chùa Hương.

Nguyễn Giang ở Pháp về đem lại cho đất nước một phương *Trời xanh thẳm* (1935).

Tú Mỡ hí lộng trên đôi *Giòng nước ngược* (1)

(1) Tức là *Giòng nước ngược* I và II.

Dương Lĩnh buông bắt *Mấy đường tơ* ;
Lữ Giang *Bên đường* trồi giọng ;
Lưu-trọng-Lư trong rừng thẳm, trên lưng « con nai vàng ngơ ngác », nâng niu chiếc sáo trúc thổi khúc *Tiếng Thu* (1939) tuyệt vời;

Thái A ca ngợi *Nắng hè* ;
Xuân Diệu vui vẻ thả *Thơ thơ* (1938) ;
Huy Cận trịnh trọng đốt *Lửa thiêng* (1940);
Cô Anh Thơ mộc mạc vẽ *Bức tranh quê* (1941).

Đào tiến Đạt u buồn vạch *Mấy nét mơ* ;
Vũ hoàng Chương như cô vũ nữ chếnh choáng hơi men nồng hát khúc *Thơ say* (1940);
Cô Thu Hồng buông lượn *Sóng thơ* (1940);
Quỳnh Dao *Dưới cầu giang Tô* (1941) của *Tơ trăng* (1940) ;
Xuân Tâm tha thiết trao *Lời tim non* (1941);
Quách Tấn vẫn còn *Một tấm lòng* (1939) chung thủy với *Mùa cỗ điển* (1941) ;
Tâm hồn tôi (1940) của Nguyễn-Bính là tâm hồn một thôn nữ ngây thơ *Lỡ bước sang ngang* (1940) hãy còn niệm tưởng đến *Hương cố nhân* (1941) ;
Đinh-Hiến ca ngợi *Ánh ngày mai* (1940) ;

Thiên Thu gieo rắc *Áng hương lòng* (1937)

Khổng Đương, như Khuất Nguyên, buồn hận *Ly tao* (1939),

Thanh Tịnh như người chiến sĩ ôm ấp *Hận chiến trường* (1936);

Chế Lan Viên, Việt-Nam trăm phần trăm trong huyết quản, giả làm đứa vong quốc nô, than khóc cảnh *Điêu tàn* (1937) của Chiêm quốc.

Bích Khê noi gương chim hải nga đem *Tinh huyết* (1939) dâng hiến cho đời.

Yêu tuyệt vọng *Cô gái quê* (1936), nhà « thơ điên » Hàn mặc tử — một thi sĩ mang chứng bịnh phung cùi nay than ôi ! đã không còn nữa. (Nietzsche chết vì bịnh điên. Nhưng tác phẩm Nietzsche có vì bịnh Nietzsche mà hóa ra « điên rồ » đâu ? Vậy văn thơ Hàn mặc Tử lý đâu lại « nặng mùi » như cơ thể đáng thương của Hàn mặc tử ?)

Ngoài ra, văn học quốc ngữ còn đếm được nhiều thi sĩ tuy chưa có tác phẩm ra đời, nhưng tài năng đã phát huy rõ rệt trên các báo chí :

J - Leiba Thanh tùng tử (1912 - 1941) với những vần diễm ảo bắt nguồn trong Quá khứ ;

Tchya với những vần cao siêu đầy tư tưởng.

Thái Can, Thâm Tâm, Trần huyền Trân với những vần cổ kính ;

Phan - khắc - Khoan với những « vần Huy Thông » rất trầm hùng.

Nguyễn-xuân-Huy với những vần dìu dịu như « một buổi chiều Xuân Diệu (1) ».

Nên kể thêm vào : Đinh Hùng Hoài Điệp (2) Huyền Kiêu, Nguyễn-đức-Chính (3) Phạm - Hầu, Hồ Dzếnh, Thái-kim-Điện.

Riêng ở Nam-Kỳ, ngoài một ít thi sĩ có tác phẩm đã xuất bản (Đông Hồ, Thiên-Thu, Khổng Dương), còn lắm thi sĩ trẻ tuổi hữu tài hãy còn đắm chìm trong bóng tối.

Phi Yến (đã quá cố) với những vần huyền diệu...

Sương lam Tử với những « vần Chế Lan Viên » rất huyền bí.

---

(1) Lời của Thanh Hoài và Hoài Châu trong *Thi nhân Việt Nam*, trang 104.

(2) Đã xuất bản : *Dám ma tôi* ; 3) Đã xuất bản : *Những đêm sầu của linh hồn* (văn xuôi).

Việt-Chân với những « vần Thái Can » đầy trang nghiêm!

Cô Mộng Tuyết với những vần di dỏm...

Bùi ái Quốc với những vần thanh thoát.

Nguyễn viết Khải với những vần ma quái.

v. l. v...

TIỂU THUYẾT

« Muốn làm mới dân một nước, cần phải bằng làm mới tiểu thuyết nước ấy. Cho nên:

Muốn mới đạo đức, trước phải mới tiểu thuyết.

Muốn mới tôn giáo, trước phải mới tiểu thuyết.

Muốn mới chánh trị, trước phải mới tiểu thuyết.

Muốn mới học thuật, trước phải mới tiểu thuyết.

Cho đến muốn mới dân tâm, trước phải mới tiểu thuyết.

Muốn mới nhân cách, trước phải mới tiểu thuyết.

Vì sao vậy ?

Vì tiểu thuyết có một sức mạnh chi-phối người ta (1) »

Tiểu thuyết Đông Tây trong văn học sử có từ lâu :

Tiểu thuyết Tàu thạnh hành từ đời Nguyên, về sau thành thể tài hoàn mỹ với các quyển *Hồng lâu mộng*, *Kim cổ kỳ quan*, *Tây sương*, *Tuyết hồng lệ sử* v... v...

Tiểu thuyết Pháp phôi thai từ thế kỷ XIII, XIV ; thành thể tài hoàn mỹ bắt đầu từ thế XIX (*Thế kỷ XIX là thế kỷ tiểu thuyết*, lời các nhà văn học sử Pháp)

Còn tiểu thuyết quốc ngữ bắt đầu thạnh hành từ 1924, phát đạt vào 1932 ; và từ 1932 đến nay mỗi ngày một hoàn mỹ.

1924 : *Tố Tâm* ra đời.

1932 : *Hồn bướm mơ tiên* xuất hiện !

Tố Tâm và Hồn bướm mơ tiên cùng những tiểu thuyết diễm tình ra đời trong giai đoạn

---

(1) Của Lương khải Siêu, do Trúc Khê diễn quốc âm

1924-32 như *Giọt lệ sông Hương*, *Đời Hoàng Oanh* của Tam Lang, *Nước hồ gươm* của Lan Khai, *Ngọc lê hồn*, *Tuyết hồng lệ sử* (1), *Chồng tôi* (2) của Từ trầm Á v.. v... (đó là còn chưa kể *Giọt lệ thu* của bà Tương Phố, *Linh Phượng Ký* của Đông hồ xuất hiện trên mặt báo Nam Phong) đều biểu dương rõ rệt chủ nghĩa lãng mạn đang bồng bột trong văn giới nước ta thời bấy giờ.

Nhưng không như tác phẩm của Từ trầm Á có anh chàng *Mộng Hà* kỳ dị chôn hoa, khóc hoa, làm những trò gở lạ rất sai sự thật; không như tác phẩm của Tam Lang đầy giọng than khóc thái thậm. *Tố Tâm* của Song-An Hoàng ngọc Phách, *Hồn bướm mơ tiên* của Khái-Hưng Trần khánh Giư có nhiều giá trị nghệ thuật đặc biệt.

Nhân một truyện tình của một người bạn thân (hay chính của Song An?) Song-An đem tiểu-thuyết-hóa một thiên tình sử não

---

(1) Đoàn tư Thuật diễn quốc âm đăng Nam Phong trước nhất năm 1923.

(2) Tùng Vân Nguyễn đôn Phục diễn quốc âm đăng Nam Phong trước nhứt năm 1927.

nùng, đầy sự thật cảm động: lâm như mấy thiên tình sử *Tối thân oan cho Phượng* của Lê văn Trương, *Người bạn gái* của Thiếu Sơn sau này cũng không sánh kịp.

Tố Tâm bây giờ tuy không còn hợp thời nữa, nhưng vẫn được các nhà phê bình công tâm cho là đặc phẩm, đáng đem sánh với quyển *Graziella* của Lamartine — tập sách gối đầu nằm của hầu hết bạn trẻ Pháp Nam vào bất kỳ thời đại nào!

Nhân một dã sử, Khái Hưng cấu tạo nên quyển *Hồn bướm mơ tiên*. Dã sử ấy chép truyện Lê thánh Tôn một hôm đi chơi chùa Ngọc Hồ thấy một tiểu nữ thoáng qua trên gác chuông và nghe nàng ngâm:

Đến đây thấy cảnh thấy người,
Tuy vui đạo phật chưa khuây lòng người!

Nhà vua ngụ ý khẩu chiếm nên một bài:

Ngẫm sự trần duyên khéo nực cười;
Tuy vui đạo phật chửa khuây người;
Chày kình một tiếng tan niềm tục!
Hồn bướm năm canh lần sự đời...
Bể ái nghìn trùng khôn tát cạn,
Nguồn ân muôn chuộng dễ khơi vơi...

Nào nào Cực lạc là đâu tá ?

— Cực lạc là đây chin rõ mười.

Rồi đòi người tiều nữ lại bắt họa thơ. Tiều nữ chẳng họa, chỉ xin đổi lại hai câu *thực* như vầy :

Gió thông đưa kệ tan niềm tục,

Hồn bướm mơ tiên *lần sự đời...*

Câu chuyện dã sử trên đây (1) thật là thú vị. Khái-Hưng nhân hình ảnh Lê-thánh-Tôn và cô tiều nữ kia, tạo ra 2 nhân vật : **Ngọc** và **Lan**, rồi lấy hương vị ái tình điểm xuyết thêm vào. Dùng chùa Long Giang — một danh lam thắng tích Bắc-hà — thế cho ngôi chùa Ngọc Hồ trong dã sử, tác giả cố khung ái tình vào vòng tôn giáo, cho ái tình ấy trở nên thiêng liêng cao quý.

Đã nói qua về cái xuất - xứ (référence) của *Tố Tâm*, *Hồn bướm mơ tiên*, ở đây tuy không phê bình, nhưng chúng tôi cũng xin nói luôn về cá tánh các nhân vật chánh trong hai tiểu thuyết ấy, để độc giả dễ ký nhận tánh cách phong trào lãng mạn trong văn chương Việt-Nam thời bấy giờ.

---

(1) Xem « Nam thi hợp tuyển » của Nguyễn văn Ngọc, trang 293-296

Trái với chủ nghĩa cổ điển, lấy **lý trí** làm trung tâm điểm cho sự sống, chủ nghĩa lãng mạn trong văn học giới nước ta bấy giờ, lấy **trái tim** làm đối tượng duy nhứt cho nghệ thuật.

Tác giả Tố Tâm và Hồn bướm mơ tiên đều lấy « trái tim » làm đối tượng duy nhứt cho nghệ thuật mình. Và diễn tả, hai ông cố ghi chép cuộc « nổi loạn của trái tim » ấy.

Mà ghi chép cuộc nổi loạn của trái tim, tức là mô tả những biến thái của tâm hồn lãng mạn.

Vì theo lời một bình giả — ông Trương Tửu — : « *lãng mạn là cuộc nổi loạn của trái tim* »

Viết Tố Tâm, Song An nêu ra 2 nhân vật : *Đạm Thủy* và *Tố Tâm*, bắt đôi thanh niên nam nữ ấy chứng kiến một cuộc nổi loạn của trái tim, nó ở đây là **ái tình**. Ngòi bút Song An vẽ nên một cảnh thất loại cho ái tình: Đạm Thủy biết cái chết Tố Tâm, biến làm một hiện thân của *Đau Khổ*.

Viết Hồn bướm mơ tiên, Khái Hưng cũng nêu ra hai nhân vật : *Ngọc* và *Lan* ; và cũng bắt đôi thanh niên nam nữ ấy chứng kiến

một cuộc nổi loạn của trái tim; nó vẫn là ái tình. Và rốt cuộc vẫn có một cảnh ái tình thất bại. Nhưng thất bại trước tôn giáo. Chớ không phải trước gia đình như trong Tố tâm.

Ngọc chẳng lấy được Lan; yêu Lan « trong lý tưởng, trong tâm hồn », biến làm một hiện thân của *Bi quan*.

Sau Đạm Thủy (nhân vật của Đau khổ); Ngọc (nhân vật của Bi quan), một nhân vật hùng tráng xuất hiện : *Người sơn nhân* của Lưu trọng Lư.

Người sơn nhân, ngoài cái bề ngoài hùng tráng nông nổi, chỉ là một hình nộm có nhiều cử chỉ, hành vi điên rồ của một tinh thần hốt hoảng và trụy lạc !

Nhưng trong giai đoạn 1924-1932, tiểu thuyết quốc ngữ cũng có một vài bộ thiên về tư tưởng : *Cô lâu Mộng* của Ngạc-Am Võ liêm Sơn, *Mộng trung Du* của Cảnh Chi và *Quả dưa đỏ* của Đồ-nam-tử Nguyễn trọng Thuật, đoạt giải nhứt cuộc văn chương của hội Khai trí tiến đức năm 1925.

Đó là một phiêu lưu tiểu thuyết, kể lại chuyện quả dưa hấu lấy tích trong *Lĩnh nam*

trích quái (1) mà có kẻ đem sánh với quyển *Robinson Crusoë* của Daniel de Foë — một phiêu lưu tiểu thuyết danh tiếng của nước Pháp.

Kể từ 1932, tiểu thuyết quốc ngữ mỗi ngày một khuynh hướng về **gia đình**, **phong tục** và **xã hội**.

Gia đình tiểu thuyết của Khái Hưng (*Nửa chừng xuân*, *Thoát ly*, *Thừa tự*, *Gia đình*), của Nhất Linh (*Đoạn tuyệt*, *Lạnh lùng*), của hai nhà văn ấy viết chung (*Gánh hàng hoa*, *Đời mưa gió*), của Nguyễn công Hoan (*Lá ngọc cành vàng*, *Tắt lửa lòng*, *Nợ nần*, *Tấm lòng vàng*), của Thạch Lam (*Ngày mới*), của Hoàng Đạo (*Con đường sáng*), của Từ Ngọc (*Khói hương*, *Ngược giòng*, *Hai ngả*), của Mạnh phú Tư (*Làm lẽ*), của Phạm ngọc Khôi, (*Tiếng gọi của gia đình*), của Nguyễn khắc Mẫn (*Nỗi lòng*, *Nhất định*, *Hai chuyến tầu*, *Trên đồi xim*), của Vũ trọng Can (*Tang Tóc*, *Người em sầu mộng*).

---

(1) « Lĩnh nam trích quái » cùng với « Truyền kỳ mạn lục », theo lời ông Trần văn Giáp ở trường Viễn Đông bác cổ, là 2 tiểu thuyết cổ nhứt nước ta.

Phong tục tiểu thuyết về miền thượng du Bắc Kỳ của Lan Khai (*Tiếng gọi của rừng thăm, Suối đàn, Truyện lạ đường rừng*), về miền sơn cước Trung kỳ của Lưu trọng Lư (*Khói lam chiều, Chiếc cáng xanh*), của Trần Tiêu (*Con trâu, Chồng con*), và nhứt là quyển *Lều chõng* cự đại của Ngô tất Tố !

Phong tục tiểu thuyết kể từ 1937 gặp phong trào phóng sự tiểu thuyết và trộn lẫn với nó.

Năm 1937 Nguyễn Hồng đoạt giải Tự Lực văn đoàn với quyển phóng sự tiểu thuyết *Bỉ vỏ*.

Năm 1941, Nguyễn đình Lạp dùng ngọn bút nhà phóng sự tiểu thuyết đem lên mặt giấy tất cả *Ngoại Ô* Hanoi.

Cùng một lập trường về thật tế với phóng sự tiểu thuyết, xã hội tiểu thuyết xuất hiện : đi đôi với chủ nghĩa xã hội bành trướng ở nước ta năm 1935-36 trên đường chánh trị, chủ nghĩa xã hội tả thiệt bành trướng...

Vũ trọng Phụng buông cây bút nhà phóng sự, nắm cán viết nhà tiểu thuyết đưa ra một khuôn mẫu tư bản gia tàn ác : nghị *Hách* trong *Giông tố*, một con đĩ đáng thương :

Huyền trong *Làm dĩ*, những cảnh đời nghèo khó khốn nạn trong *Vỡ đê*.

Nguyễn công Hoan bỏ qua bên giọng văn bông phèn trong các truyện ngắn viết *Bước đường cùng* đầy sức mạnh, bày ra nhiều thực trạng xã hội khe khắt, *Những cảnh khốn nạn* diễn ra những cảnh dân sanh bi kịch đở khóc đở cười.

Lan-Khai mô phỏng quyển *Người mẹ* của Maxime Gorki viết *Lầm than*, tả cảnh đời vất vả của dân phu mỏ ở Uông Bi.

Lê-văn-Trương không nghĩ đến các nữ kê xa xỉ phẩm như *Cô tư Thung* hay Nữ (trong *Một trái tim*) nữa, viết một loại xã hội tiểu thuyết, mà giá trị nhứt là *Một người*, rồi kế đến mấy bộ *Trong ao tù, trưởng giả, Một lương tâm trong gió lốc, Người anh cả*.

Vai chánh *Một người, Linh* là một « siêu nhân » biểu dương rõ rệt tinh thần tranh đấu, triết lý sức mạnh và thuyết người hùng của tác giả.

Cùng một chủ trương với họ Lê về xã hội tiểu thuyết, Trương-Tửu viết *Thanh niên S. O. S. Trái tim nổi loạn, Một chiến sĩ, Một cồ đôi ba tròng*.

Gần đây ta còn thấy một vài ngọn bút mới Bắc-hà rất có hi-vọng : tác giả *Thả lửa*, Hoàng-văn-Sự đưa ra một người đàn bà Việt-Nam kiều mẫn (Tuyết - Lê) ; Trần-huyền-Trân phô lên mặt giấy những cái *Sau ánh sáng* Hanoi, ở xóm Khâm Thiên.

Về xã hội tiểu thuyết, Trần-mai-Ninh thành công với quyển *Thằng Tuất*, Kim - Hà với quyển « *Tiếng còi nhà máy* » ; Vị Hồ với, quyển *Gió đưa*,. thế Hùng với Bẽ Bàng, riêng xứ Nam - kỳ có Phan-huấn-Chương, tác giả *Hòn máu bỏ rơi* (giải Đuốc nhà Nam 1932), *Người vợ hiền* của Nguyễn thới Xuyên (phỏng theo *Une honnête femme* của Henry Bordeaux) *Mảnh trăng thu*, *Cậu Tám Lọ* của Bửu-Đình và đa số tác phẩm của Hồ-biểu-Chánh : *Cay đắng mùi đời* (phỏng theo *Sans famille*) của (Hector Malot), *Ngọn cỏ gió đùa* (phỏng theo *Les misérables* của Victor Hugo) *Nhơn tình ấm lạnh*, *Kẻ làm người chịu*, *Con nhà nghèo*, *Con nhà giàu* v... v...

Văn Hồ quân tuy bị đa số độc giả trí thức phiền hà về văn-phạm nhiều lắm, nhưng

đa số cốt truyện của Hồ quân ai cũng phải công nhận là có tánh cách Nam-kỳ. trăm phần trăm, diễn rõ được mặt trái đời nông dân miền Hậu giang (xem *Một đời tài sắc, Ở theo thời, Khóc thầm, Con nhà nghèo*), thành thử có một màu sắc bản xứ đáng để ý.

Ngoài Lê-văn-Trương, hiện trong văn học quốc ngữ, không có cây bút nào để được nhiều tiểu thuyết như Hồ-biểu-Chánh. Hồ quân như Stendhal và Tolstoï, càng về già, càng dẻo dai trong việc trứ thuật.

Bên cạnh Hồ-biểu-Chánh, Nam-kỳ còn có một cây bút sung mãn nữa : Phú - Đức. Nhưng ông này không viết xã hội tiểu thuyết, mà đã oanh liệt một thời với mấy bộ ; *Châu về hiệp phố, Lửa lòng, Cái nhà bí mật Trường tình huyết lệ* v... v... Toàn những võ hiệp trinh thám tiểu thuyết !

Đi sau Phú Đức, ở Bắc hà, thi sĩ Thế Lữ bỏ *Mấy vần thơ*, viết một loạt trinh thám tiểu thuyết : *Mai Hương và Lê Phong, Lê Phong phóng viên, Bên đường thiên lôi, Gói thuốc lá* v... v.. Tuy nhiên lối viết Thế Lữ có khác

với lối viết Phú Đức! Thế Lữ gần Maurice Leblanc và Conan Doyle (hai nhà tiểu thuyết trinh thám đại danh của Pháp và Anh) hơn!

Bên cạnh Thế Lữ, ở Bắc hà, nhà tiểu thuyết kiếm hiệp Văn Tuyền, tức Phượng Trì, tức Phạm cao Củng viết *Vết tay trên trần*, *Chiếc tất nhuộm bùn*, *Người một mắt*, *Kỳ Phát giết người* v... v...

Thế Lữ có gã **Lê Phong**; Cao Củng có chàng **Kỳ Phát**. Khác nào M. Leblanc có Arsène Lupin, Conan Doyle có Sherlock Holmès!

Arsène Lupin thường bội ngộ Sherlock Holmès ra làm sao, Lê Phong cũng gặp Kỳ Phát hay Kỳ Phát cũng gặp Lê Phong na ná như thế. Xem kỹ *Gói thuốc lá* và *Người một mắt*, bạn đọc sẽ thấy rõ nhận xét này của chúng tôi có chỗ không ngoa.

Viết trinh thám tiểu thuyết thi sĩ Thế Lữ trong bao nhiêu lâu dập tắt bồn thơ của mình. Gần đây, ở tiểu thuyết *Trại Bồ Tùng Linh*, Thế Lữ cho ta thấy lại óc tưởng tượng dồi dào của một thi sĩ sống cạnh bên một người

con gái huyền hồ trong truyện. Cuốn này viết theo lối *Bồ Tùng Linh* viết *Liêu trai chí dị*. có thể đại-biểu cho một lối truyện huyền hoặc hoàn toàn dựa vào óc tưởng tượng của một nhóm nhà văn phái hưởng-lạc (Dilettantisme) sau này.

Thế Lữ còn một cuốn tiểu thuyết thần bí, rùng rợn, diễn tả đặc tánh của sơn lâm : cuốn *Vàng và máu* nó nhập vào một loại với quyển *Thần hổ* của Tchya.

Văn học quốc ngữ ngoài ra còn có lối hoạt kê tiểu thuyết được đại-biểu bởi hai quyển *Số đỏ, Trúng số độc đắc* của Vũ Trọng Phụng (Quyển sau đã đăng báo chưa xuất bản thành sách).

Nối gót Vũ Trọng Phụng, Đồ Phồn có *Một chuỗi cười* thật là vô duyên, Khải Hưng có *Những ngày vui* thật là tẻ ngắt!!

Tuy nhiên viết hoạt kê hài hước, hồ dễ mấy ai được thành công bằng cây bút truyện ngắn Nguyễn công Hoan. Phê bình Nguyễn công Hoan, Thái Phỉ mượn câu của Musset nói về

vở kịch *Misanthrope* cua Molière, viết : « *cái vui hùng tráng ấy buồn thảm sâu sắc đến nỗi người ta vừa cười xong lại muốn khóc liền* ». Và nhại theo lời Gœthe phê bình Voltaire, J. J. Rousseau (1), Thái Phi lại viết : « *Với Khái Hưng thì là cái thế giới đang tàn, mà với Công Hoan thì là cái thế giới mới nhóm vậy* ».

Truyện ngắn mà Nguyễn-công-Hoan rất điêu luyện, là một thể văn được nhiều người viết nhứt ở văn học quốc ngữ. Hồi còn mồ ma *Nam Phong* trong khoản 1919-21 người ta được đọc những thiên truyện ngắn của Phạm duy Tốn (*Sống chết mặc bây*, *Nước đời lắm nỗi*), của Nguyễn-bá-Học (*Một nhà bác học*, *À ! chiêm bão*, *Truyện cô chiêu Nhi*) Lúc bấy giờ, Tản Đà xuất bản *Tản Đà tùng văn*, trong đó thiên truyện ngắn *Thề non nước* rất nổi tiếng !

Ngày nay thì truyện ngắn tràn đồng : trên mặt báo nào cũng có !

---

(1) Gœthe bảo : « Với Voltaire, một thế kỷ đang tàn, với J. J. Rousseau một thế kỷ mới nhóm... » (Avec Voltaire, c'est un siècle qui finit, avec Rousseau, c'est un siècle qui commence)

Vả truyện ngắn ra thành sách cũng chẳng phải là ít Nguyễn công-Hoan có nhiều tập truyện ngắn, tập được phê bình nhiều nhứt là tập *Kép tư Bền*, Kế đó, tập *Một đêm trước* của Tam Lang cũng được nhiều bình giả chú ý.

Ngoài ra văn học quốc ngữ còn đếm được các tập truyện ngắn diễm tình của Thanh Châu (*Trong bóng tối*, *Người thầy thuốc*), Ngọc Giao (*Một đêm vui*, *Phấn hương*), mấy bộ truyện ngắn đồng quê của Thạch Lam (*Gió đầu mùa*, *Nắng trong vườn*), Thanh Tịnh (*Quê mẹ*); tập truyện ngắn chú trọng về tư tưởng của xuân Điệu (*Phấn thông vàng*); tập truyện ngắn chú trọng về tư tưởng của Khôi (*Chết*), hai tập truyện ngắn chú trọng về những đề mục khác thường của Tchya (*Linh hồn hay xác thịt*, *Oan nghiệt*), hai bộ truyện ngắn vẽ những bộ mặt bí ẩn của ái tình của Lê-văn-Trương (*Những mảnh tình*, *Ái tình muôn mặt*) bộ truyện ngắn về xã hội « chạy vỏ » (ăn cắp) của Nguyên Hồng (*Bảy Hựu*), mấy bộ truyện ngắn tả những mối tình lý tưởng của Khái-Hưng (*Đợi chờ*, *Giọc đường gió bụi*), mấy bộ

Td58

truyện ngắn tả cảnh tối tăm, bùn lầy nước đọng, cùng các cảm giác man mác trong « những ngày nắng nhạt điểm mưa thưa (1)» của Nhất Linh (*Tối tăm, Hai buổi chiều vàng*), tập truyện ngắn đượm phong vị miền thượng du Bắc kỳ của Thế Lữ (*Gió trăng ngàn*), tập truyện ngắn đầy phong vị thời xưa của Nguyễn Tuân (*Vang bóng một thời*) và bộ truyện ngắn viết về đời sống của thần tiên của Lưu trọng Lư (*Huyền không động*), tập truyện ngắn kỳ quái của Trọng Miên (*Một giấc mơ ghê gớm*).

Đứng trước phong trào truyện ngắn, truyện dài một vài nhà văn lại muốn xu hướng về lối trường giang tiểu thuyết (roman-fleuve), cho đủ các loại, như trong văn học Pháp.

Trong văn học Pháp, người ta đã thấy các tác phẩm cự đại của Romain Polland (*Jean Christophe*), của Jules Romains (*Les hommes de bonne Volonté*) của Georges Duhamel (*Les Pasquier*) của Roger Martin du Gard (*Les Thibault*), trong loại trường giang tiểu thuyết.

Vậy thế nào là trường giang tiểu thuyết?

1— Lời Nhất Linh trong bài tựa *Hồn bướm mơ tiên*.

— Thưa là một lối khác hẳn với lối trường thiên tiểu thuyết của A. Dumas père ở Pháp hay của Phú Đức ở ta.— Vì trường thiên tiểu thuyết gồm nhiều quyển, mà quyển nào cũng nối tiếp dính nhau. Đọc chẳng có đầu có đuôi, chẳng liên tiếp, ta quyết không thể hiểu một bổn trường thiên tiểu thuyết được.— Nhưng lấy bất kỳ một quyển nào trong một bộ trường giang tiểu thuyết, ta đọc đều thấy hiểu. Nghệ thuật của nhà trường giang tiểu thuyết là gây riêng cho mỗi quyển một sự « đầy đủ », tuy nhân vật của các quyển vẫn là những vai quan trọng trong tiểu thuyết, mật thiết quan-hệ với nhau về cá nhân, cũng như về lập trường gia đình hay xã hội.

Bộ *Loạn, Dũng* của Nhất Linh có thể cho là đại biểu của trường giang tiểu thuyết quốc ngữ được. Nó gồm hai quyển « *Đôi bạn* » và « Đoạn tuyệt ».

Theo sự tích *Loạn Dũng*, Đôi bạn là khúc đầu, mà « Đoạn tuyệt » là khúc kế.

Thế mà Nhất Linh viết « Đoạn tuyệt » trước, « Đôi bạn » sau ; người đọc, đọc cũng hiểu đặng !

Nhất Linh chẳng thành công đặng với trường giang tiểu thuyết là gì ?

Tuy nhiên, theo lời tuyên bố của Nhất Linh trên mặt báo Ngày nay, thì *Loan, Dũng* còn những ba bộ nữa (*Gió lộng, Địa ngục, Biệt ly*) mới hết. Nhưng sau *Đôi bạn* Nhất Linh đã « cạn nguồn », phải bắt sang mấy bộ khác (*Bướm trắng, Nắng thu*).

Nối gót Nhất Linh, Nguyễn Vỹ, (tức nhà văn thường hay núp dưới cái biệu đào bà « Lệ chi », để viết những truyện diễm tình như *Thi Sỹ Kỳ phong, Đùa với ái tình*) cũng tấp tểnh viết trường giang tiểu thuyết,

Trong quyển đầu (*Đứa con hoang*) của một bộ trường giang tiểu thuyết dự tính của mình, Nguyễn Vỹ trước khi chấm hết, tuyên bố :« Trong những quyển truyện sẽ theo sau, và tiếp với quyển này, mỗi quyển là hoàn toàn một truyện, mà gồm lại là thành cả một bộ, độc giả sẽ gặp lại những nhân vật trong « Đứa con hoang », với những cảnh ngộ khác, những trạng thái khác, và những tấn kịch lạ lùng sẽ bày ra rối beng chung quanh cuộc đời và hành vi của họ ».

Nhưng mãi đến nay, vẫn chưa thấy quyển nào là quyển tiếp theo « *Đứa con hoang* » cả !

PHÓNG SỰ

« *Một nhà viết báo Pháp trứ danh đã viết* : « nếu chưa biết bút chiến, chưa phải là nhà viết báo. » *Bút chiến tuy có nhiều lối nhưng có thể tóm tắt lại hai lối là* : bút chiến về người *và* bút chiến về việc.— *Bút chiến về người là một lối bút chiến dễ dàng, còn bút chiến về việc là một lối bút chiến mà đến những tay sành sõi về nghề viết báo cũng điều nhận là khó.*

« *Về những vấn đề lớn lao, cần phải điều tra rất kỹ để mong sửa chữa, cải cách, không thể dùng liên tiếp những bài bút chiến để*

đập vào tâm trí người ta, nên nhà viết báo thường dùng một lối tả thực như văn ký sự, trào phúng như văn châm biếm, cảm người ta như văn tiểu thuyết, mà trong lại bao gồm cả lối bút chiến về người lẫn lối bút chiến về việc, nói tóm lại, dùng cái lối tạo nên một thể linh hoạt và có hiệu lực vô cùng : lối phóng sự » (1).

Về phóng sự, văn học quốc ngữ có được mấy cây bút hữu giá, mà khởi sắc nhứt là Vũ trọng Phụng (1911-1939). — Tam Lang nổi tiếng tự khi Vũ trọng Phụng hãy còn là anh thơ ký bút toán, về phóng sự, cũng phải nhận họ Vũ ăn đứt mình (xem bài Tam Lang viết về cái chết Vũ trọng Phụng trong Tao Đàn tạp chí).

Vũ trọng Phụng khi hãy còn trẻ tuổi đã thành danh. Bằng một giọng văn lỗi đời, ông cho ta biết các ngón bạc bịp của nghề cờ gian bạc lận ở Bắc kỳ (*Cạm bẫy người*), nghề lấy lính lê dương (*Kỹ nghệ lấy tây*), nghề làm đĩ (*Lục Sì*) nghề ở mướn (*Cơm thầy cơm cô*).

1— Vũ ngọc Phan *Hanoi tân văn* số 57, năm 1941.

Với thiên phóng sự sau này, Vũ trọng Phụng đã phải để bộ tóc triết nhân «, mặc bộ đồ thằng quít, «trong khi đi bái tài liệu trong cái thế giới con sen, thằng quít.

Cử chỉ này của Vũ quân, thật khác nào cử chỉ của nữ sĩ **Maryse Choisy**, trong khi đi tìm tài liệu viết thiên phỏng sự *Un mois chez les filles*. (M. Choisy đã phải giả làm một gái đĩ !)

Tam Lang, trong khi phụng sự nghệ thuật mình, cũng có một cử chỉ khả kính chẳng kém Vũ trọng Phụng : ông đội chiếc nón lá, cầm gọng xe kéo, chạy kiếm tiền như các xe phu khác trong khắp Hà thành đô hội : ăn chung ở lộn với xe phu ngoài bãi Phúc xá (ngoại ô Hanoï). Thiên phóng sự **Tôi kéo xe** nhờ đó xuất hiện, bày ra một thực trạng xã hội, xem qua rất cảm động.

Sau khi « kéo xe » Tam Lang trong *Đêm sông Hương*, còn đi nhặt « những cánh hoa trôi trên giòng Tiêu-kim-thủy » (1) ở đất Huế.

1.— Một tên khác của tập phóng sự *Đêm Sông Hương* khi còn đăng trên mặt báo.

Nhưng tập *Đêm sông Hương* này lại đưa Tam Lang đến sự thất bại. Nó chỉ là một tổng hợp của những mẩu chuyện rời rạc và nhạt nhẽo.

Tập *Hanoi lầm than* của Trọng Lang cũng là một thiên phóng sự giá trị không hơn không kém *Đêm sông Hương*.

Lối phóng sự của tác giả *Hanoi lầm than*, *Đêm sông Hương* là lối « phóng sự ghi chép » khác hẳn lối « phóng sự làm vui độc giả » của Vũ trọng Phụng.

Gần đây ông Tạ hữu Thiện, sau khi lăn-lộn trong nghề xiếc đã viết nên thiên phóng sự. « *Tôi làm xiếc* »

Và trái hẳn lối phóng sự Vũ trọng Phụng, lối phóng sự của Lãng Tử đọc nghe buồn buồn..

Trong tập *Phù Dung và Nhan sắc*, Lãng tử vẽ lại cảnh đời về chiều của các nữ kê xa xỉ phẩm sài thành – một cảnh đời khốn nạn, buồn tẻ khác nào buổi chiều đông ẩm đạm, lững lờ bên cạnh ngọn đèn dầu lạc cháy phập phà...

Ngọn đèn dầu lạc lại là tên một tập phóng sự của Nguyễn Tuân về làng *trô* văn sĩ — nghĩa là xã hội văn sĩ hút thuốc phiện.

Hút thuốc phiện và nghèo túng dường như là hai nghiệp dĩ cùng đi đôi trong đời văn nhân, nghệ sĩ : tập *Nợ văn* của Lãng Tử, *Đời nghệ sĩ* của Lê văn Trương tả rõ những khổ cảnh ấy.

Lê văn Trương ngoài ra còn có quyển *Tôi thầu khoán*, và *Một cuộc săn vàng*, mạng danh là ký sự — một biến thể của phóng sự. Về ký sự, ở Nam kỳ có quyển *Ngồi tù khám lớn* của Phan văn Hùm đọc rất chạnh lòng trắc ẩn.

Tập *Một chuyến đi* của Nguyễn Tuân, mạng-danh là du ký — một biến thể của ký sự. Về loại du ký văn học quốc ngữ chưa có quyển nào đáng gọi là giá trị — kể luôn cả quyển *Một chuyến đi*.

Chỉ có mỗi một tập du ký nổi danh lâu nay : ấy là tập *Hạn mạn du ký* của cụ Nguyễn bá Trác, năm xưa đăng tải trên tạp chí Nam Phong, nay chưa ra thành sách : một điều đáng tiếc ! Và nếu dễ dãi một chút, ta cũng không nên bỏ quện quyển *Lữ trung ký sự* của Nguyễn Tường và cho rằng nó có giá trị du ký còn hơn *Một chuyến đi* nhiều !

KỊCH BẢN

« Thế nào gọi là kịch ? Kịch là một cái việc mạnh hơn việc thường trong đời người ta, hoặc là cái kết quả của cả một cuộc đời chung đúc lại một lúc, hoặc là sự ngẫu hợp của hai việc trái ngược nhau bỗng xung đột nhau trong giây phút mà sinh ra cái tình trạng hoặc đáng vui, hoặc đáng buồn, hoặc ghê, hoặc thảm ; nói rút lại là việc phi thường ở trong việc thường mà sinh ra, là cái tia điện sáng bật ra giữa lúc âm-dương điện gặp nhau, cái tia sáng ấy vẫn là điện mà phải có sự xung

đột mới nẩy ra được. Đời người ta cũng có thể ví như cái điện túc bình thường khi nào có hai luồng trái nhau chợt đến xung đột thì mới nẩy ra tia sáng : tia sáng ấy tức gọi là cái việc phi thường trong việc thường mà ra, tức gọi là một cái *Kịch* vậy. Diễn kịch ấy là lấy những lúc có cái việc phi thường trong một đời ấy mà diễn tả ra, vụ lấy hiển nhiên như lúc việc đương hành động vậy. Nói phi thường không phải là việc hoang đường quái đản gì đâu : phi thường là sánh với việc thường mà nói, có việc phi thường mới thành *kịch* được : đời người trong lúc bình thường thì đời tôi đây với đời bác láng giềng kia có khác gì nhau mà thành chuyện. Cô Kiều nếu không gặp gia biến thì sao thành truyện Kiều ! Sự gia biến đó tức là sự phi thường, tức là một cái *kịch* vậy » (1)

« Kịch, ta có thể coi như là tinh túy của văn chương. Tôi thường ví tiểu thuyết như một chiếc bánh mà người ta cứ dọn nguyên để đãi khách, cả trong lẫn ngoài, cả ruột lẫn vỏ. Trái lại, kịch chỉ là một lát bánh thôi,

---

(1) Phạm Quỳnh. — *Một tháng ở Nam Kỳ*. — Nam Phong.

nhưng phải chọn lựa kỹ lưỡng, phải biết cắt thế nào cho khéo léo, để người ta ăn ít mà thấy dư vị đậm đà, rồi lại suy nghĩ ra mà biểu rõ sự ngon lành của cả chiếc bánh. Đó là hai thể cách khác nhau như thế. Đến như về văn chương, nhà tiểu thuyết cần nhứt là *cái duyên kể chuyện* : còn nhà soạn kịch lại phải có cái khiếu về *lối văn nói chuyện*. » (1)

Ở các nước Âu Mỹ, người ta hoan nghênh kịch bản bao nhiêu, thì ở nước ta thiên hạ lại lạnh nhạt với nó bấy nhiêu !

Lúc trước, ở Hanoi cũng như ở Saigon đều có một vài ban kịch thành-lập (ban kịch « Tinh Hoa » ban kịch « Thế Lữ » ở Hanoi — ban kịch của hội Mỹ-thuật Ái-hữu ở Saigon).

Mấy ban kịch ấy đã đem lên sân khấu những vở của Vi huyền Đắc, Đoàn phú Tứ, Khái Hưng v..,v...

Nhưng gần đây phong trào kịch cơ hồ lịm lần !..,

---

(1) Lời Vi huyền Đắc nói với Bùi thế Mỹ trong khi Bùi quân về chơi đất Bắc; ghé lại Hải Phòng thăm Vi quân.

(xem Dân báo ngày 11-3-41)

Kịch bản phải chăng là hột giống khó nuôi trong Văn-học-giới Việt Nam ?

Nghĩ thế, nên ai là người hữu tâm với kịch-giới, tất không khỏi buồn rầu, khi thấy :

Sau *Chén thuốc độc*, *Tòa án lương tâm*, *Tây sương tân kịch* Vũ đình Long nghỉ, làm nhà xuất bản ;

Sau *Không một tiếng vang*, Vũ trọng Phụng bắt sang viết phóng sự ;

Sau *Người học vẽ*, Nguyễn nhược Pháp chỉ làm thơ ;

Sau *Những bức thư tình* và Mơ hoa, Đoàn phú-Tứ tạm gác bút ;

Sau *Tục lụy*, Khái Hưng thỉnh thoảng chỉ dám viết một vài tiểu *hài* kịch ngụ ngôn cho trẻ em, trong loại « sách hồng » thôi ;

Đến như Vi huyền Đắc — một cây bút kịch giả rất sung mãn (1) đã từng đoạt giải thi kịch ở Pháp với vở *Eternels regrets* (2), đoạt

---

(1) Sau *Hai tối tân hôn* (vẽ một nhân vật rộng lượng) Vi quân cho in *Uyên ương* (tả một mối tình chung thủy), *Hoàng Mộng Điệp* (phát lộ một cá-tánh bác ái), *Nghệ sĩ hồn* (bày ra một đức hy sanh).

(2) Vở nầy là kịch-hóa thiên « Trường-hận ca » nói về Đường minh hoàng và Dương quí phi.

giải Tự lực văn Đoàn năm 1937 với vở *Kim tiền* (1), — thế mà ngày nay còn phải nghi viết thay !

Bởi phong trào kịch bản ở nước ta, ngày nay, nó lạnh hơn đống tro tàn ! ...

Viết thêm nữa làm gì hỏ ?

Viết thêm nữa, ai diễn cho ? ai xem cho ?

Văn học quốc ngữ là miếng đất không nuôi được hột giống kịch bản có phải ?

Và kịch bản có phải là một món quà văn chương chẳng tiêu thụ được không ?

Theo thiển ý, xem diễn một vở kịch giá trị, ta vui cười, ta cảm động, ta rơi lụy, thua gì xem một thiên tiểu thuyết hữu danh đâu ?

Trong tiểu thuyết, tác giả cố tạo cho ta một hoàn cảnh trào lộng hay bi quan quanh các nhân vật, cố diễn tả cho ta các tình tiết, trạng thái của nhơn vật bằng lời văn :

Trong kịch bản, tác giả chỉ để cho nhân vật nói với ta ; và trong những câu vấn đáp

---

1— Vở nầy khác nào bài giải nghĩa dài về câu danh ngôn của Lương khải Siêu : « *Ô hô ! Kim tiền ! Kim tiền ! Thiên hạ kỷ đa tội ác, dã nhữ chi nụy dĩ hành* ».

của nhân vật, ta có thể tự nhiên lý hội được tình cảm, trạng thái của họ nổi bật ra. — cái hay của kịch bản là ở điểm này vậy.

Nếu ta là một kẻ có vài nhiệt tâm với kịch bản, ta tất có thể tìm hiểu quan niệm kịch cổ-điển ở những bản dịch của Nguyễn văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Nguyễn Giang (con Nguyễn văn Vĩnh), Vũ trọng Phụng về các vở kịch của Corneille, Racine, Molièce, Shakespeare Hugo (1); và *ta* có thể tìm hiểu quan-niệm kịch bản tân thời ở bản kịch của Vi huyền Đắc về vở *Martine* của Jean Jacques Bernard (2) hay ở vở *Ghen* của Đoàn phú-Tứ, nô là

---

(1) *Nguyễn văn Vĩnh dịch L'Avare, Le Bourgeois gentilhomme, Le Malade imaginaire của Molière; Phạm Quỳnh dịch Le Cid của Corneille; Nguyễn Giang dịch Andromaque của Racine, Le Songe d'une nuit d'été, Macbeth, Hamlet của Shakespeare, Vũ trọng Phụng dịch Lucrèce Borgia của V. Hugo—tức là bản quốc văn tựa*: Giết mẹ.

(2) J. J. *Bernard, một kịch sĩ đại danh nước Pháp viết kịch, cho nhân vật hoạt động bằng dáng điệu nhiều hơn lời nói*

bản kịch phỏng hẳn theo vở *Jalousie* của Sacha Guitry (1).

... Nhưng kịch bản nước nhà hiện vẫn còn thiếu một lối : ấy là lối *kịch bằng cảnh* — một lối kịch mà trong hồi Pháp-du năm 1922, ông Phạm Quỳnh có lần thưởng thức được ở rạp *Grand Guignal* tại Paris. — Về nước, diễn thuyết ở nhà Nhạc hội Tây Hanoi ngày 15 tháng 10 năm ấy, Phạm quân có lời thuật lại và nói thêm cảm tưởng của mình rằng :

« Tôi xem như ở rạp *Grand Guignal* có một lối kịch ta có thể châm chước mà phỏng theo, là lối *kịch bằng cảnh* (*pièce en tableaux*), lấy cảnh mà giúp thêm cho lời nói. Bữa tôi xem, người ta có diễn một bài bi kịch về lối ấy, đề là « *Một đêm ở thành Luân đôn* », rút ở trong thuyết-bộ của nhà văn sĩ nước Anh *Dickens*. Chuyện một người đàn bà già có con phạm tội phải xử tử thắt cổ, sớm mai bành hình, đêm đến tìm một ông thầy thuốc danh sư nọ kêu van ông ngày mai đúng giờ ấy đến nhà

---

(1) *Sacha Guitry, cũng một kịch sĩ Pháp hữu danh, viết kịch, cho nhân vật nói nhiều hơn hoạt động bằng dáng điệu.*

bà cứu cho một người sắp chết, nhưng không nói rõ vì cớ gì; hôm sau ông đến, xác mới khiêng về, nhưng đã chết rồi không thể cứu được nữa. Bấy giờ, ông mới hiểu là người tội nhân mới xử tử, nhưng người mẹ trông thấy xác con như phát điên lên, cứ ôm lấy mà than khóc kể lể một cách rất thảm thiết, một mực van ông cứu cho, nói rằng con chưa chết! Ông thầy thuốc bấy giờ cảm thương, trong lòng bi đát vô cùng, vẫn biết rằng kẻ phạm tội với xã hội, thì xã hội có quyền trừng trị, thế là lẽ công bằng, nhưng mà trị kẻ có tội, mà để thương để xót, để đau đề khổ cho người không tội, há phải là lẽ công bằng sao? Song cái công lý của người đời chỉ có thô lược như thế mà thôi; người ta ăn ở với nhau không thể lấy một công lý mà xử được, phải có lòng từ bi bác ái mới được, vì trông thấy cái cảnh đau khổ của người đàn bà này, ai là người cầm lòng cảm động? — Diễn khéo quá, cảm khích người ta đến cử tọa lưu-thế; có bà Đầm ngồi bên tôi nức nở khóc đến 15 phút đồng hồ. *Trong bài kịch lời nói không có mấy, mà những lúc không nói lại là chỗ hay nhất.*

« Tôi thiết tưởng văn diễn kịch phải là văn cứng cáp lắm mới được ; văn quốc ngữ ta bây giờ còn non nớt, dùng vào diễn kịch không khỏi còn khuyết điểm. Vậy nếu bây giờ có một lối kịch như lối *Kịch bằng cảnh* đó lấy cảnh mà giúp sức cho lời văn, thì hợp với cái trình độ của ta lắm. Vả lại lối này là lối đoản kịch, chỉ một vài hồi mà thôi và diễn không đầy một giờ đồng hồ, tưởng bắt chước cũng không khó »

Trừ công việc mà Phạm huy Thông đã lỡ làm rồi, — tức là việc viết mấy vở *Anh Ngai Kinh Kha* bằng vận văn, theo lối kịch cổ Điển Pháp và Hy-Lạp — nhà văn Việt Nam ngày nay, có viết kịch, thiết tưởng, nên qui nạp theo phương pháp các kịch sĩ Âu Mỹ hiện tại : Somerset Maugham, Bernard Shaw, Sacha Guitry, Marcel Pagnol, Jean Jacques Bernard v.v. v...

Vì phép *tam duy nhứt* (*règle des trois unités*) của kịch cổ điển Pháp và Hy Lạp rất là phiền phức (1).

1— Phép tam-duy-nhứt có 3 điều cốt yếu : (xem tiếp trang 79)

Lối kịch của các danh bút Âu Mỹ trên đây giản dị và giản tiện hơn cho người trứ tác, một khi muốn đem kịch-hóa một cốt truyện.

Bất kể phép tam duy-nhứt, nhà viết kịch có thể ghép vào một vở kịch đầu đuôi của một câu chuyện, cách nhau mười năm hay hai ba mươi năm.

Chuyện 10 năm trước, ta cho vào *Khai trường-từ* (prologue) ;

Chuyện 10 năm sau, ta ghép vào các hồi nhứt, nhi, ba, tư, năm, sáu... chẳng hạn.

Thế nào là *một hồi ?*

Một hồi (acte) có thể ví như là một phần (partie) của một quyển tiểu thuyết.— Mỗi hồi có một hay nhiều *cảnh* (tableaux). — Mỗi cảnh chia ra làm nhiều *lớp* (scènes). — Hết mỗi lớp, nhân vật đổi vai : *ra* (entrer en scène) hoặc *vào* (sortir de la scène) — Hết mỗi hồi là *hạ màn*, thay đổi cảnh. — Hoặc có khi hết mỗi cảnh cũng hạ màn (như trong vở *Martine* của J. J. Bernard chẳng hạn, vì vở này không chia ra làm hồi, mà chỉ chia ra làm 5 cảnh).

Ở những giòng chót của chương này, chúng tôi thiết tưởng cũng nên nói sơ qua về tuồng cải lương Nam kỳ. Tuồng cải lương Nam kỳ là một biến thể của ca kịch. Mà « kịch không phải viết ra để đọc, kịch viết ra để diễn. Vở kịch ở bản thảo hay ở trong một công trình ấn loát, chưa có hoàn toàn giá trị Hát lên, diễn ra, lúc ấy vở kịch mới là tạo thành, còn chỉ là mô phỏng. Vở kịch ở bản thảo hay ở một cuốn sách in có khác gì một

---

1· Hành-động duy nhứt (unité d'action).
2· Trường-sở duy nhứt (unité de lieu).
3· Thời gian duy nhứt (unité de temps).

Tóm tắt phép này, nhà phê bình Boileau có câu: « Phàm diễn kịch, phải chủ về *một việc*, xảy ra ở *một nơi*, chỉ trong khoảng *một ngày* mà thôi. » (Qu'en *un lieu*, qu'en *un jour*, *un seul fait* accompli Tienne jusqu'à la fin le théâtre rempli).

Một việc có nghĩa là phải khuynh hướng các phần trong vở kịch về « một việc chánh »— tức là « một vai chủ động :

Một nơi có nghĩa là « việc ấy » phải xảy ra từ đầu đến cuối ở « một nơi nhứt định ».

Một ngày có nghĩa là « việc ấy xảy ra », *không được kéo dài quá 24 giờ*!

pho tượng ở trong óc nhà tạc tượng, một cái bình ở trong nhà thợ bạc, những cái đĩa sứ ở trong óc nhà nung men (1) »

Vì cũng nghĩ thế, nên chúng tôi thấy cần phải kể đến một vài bản danh tuồng trong tác phẩm này, vì dầu các tuồng ấy chưa được ra thành sách.

Tuồng cải lương Namkỳ hiện được một cây bút xuất sắc nhứt tô điểm : Trung-Chánh Trần hữu Trang, tác giả nhiều vở tuồng danh tiếng, do mấy gánh *Nam Phi, Phụng Hảo, Năm Châu* đem diễn từ Nam chí Bắc, được hoan nghinh nhiệt liệt, như: *Lan và Điệp, Lá ngọc cành vàng* (2), *Đời cô Lựu, Mưa đêm* (3), *Tô Ánh Nguyệt, Hận gia đình, Tấm lòng trinh, Tìm hạnh phúc v. v...*

Trước Trần hữu Trang, về tuồng cải lương, đã từng nổi danh một thời Nguyễn thành Châu

---

1 — Vi huyền Đắc: *Cách viết kịch của tôi*, Ngòi bút số 2, ngày 16 Octobre 1941.

2—Riêng tuồng này, trước kia Ngô vĩnh Khang viết, nhưng không đem lên sân khấu được, Trần hữu Trang sửa chữa lại đem diễn được hoan nghinh

3— Tuồng nay có kẻ bảo của Nguyễn Bửu chủ gánh Phụng Hảo, nhưng quả thật là của Trần hữu Trang

tức kép Năm Châu), Huỳnh thủ Trung (tức kép Tư Chơi) và Huỳnh năng Nhiêu (tức kép Bảy Nhiêu).

Nhưng ngày nay ngôi sao Trần hữu Trang sáng quá! Thành thử Năm Châu, Tư Chơi, Bảy Nhiêu đành phải nhượng bộ. Cái cớ hiển nhiên là Năm châu—một cây bút viết tuồng có giá trị hơn Tư Chơi và Bảy Nhiêu—gần đây rước Trần hữu Trang về viết tuồng cho gánh hát mình diễn.

Các vở tuồng của Trần hữu Trang rất ít bài ca, có tánh cách kịch nhiều lắm. Trong lúc trình độ khán giả xứ ta còn thấp kém, diễn kịch thuần túy, đoàn nghệ sĩ « hữu danh » mà sân khấu ta hiện có, ắt khó có thể thành công được. Phải bước từng bước một! Trần hữu Trang có lẽ hiểu lẽ tiến hóa tuần tự ấy.

Tuy nhiên, chúng tôi vẫn mong có một ngày kia, với một đoàn nghệ sĩ tài hoa hơn đoàn nghệ sĩ hiện tại của sân khấu nước nhà, Trần hữu Trang sẽ bỏ hẳn được các bài ca trong tác phẩm mình và khả dĩ trình bày cho độc giả cũng như cho khán giả những bản danh kịch thuần túy.

LỊCH SỬ, ĐỊA CHÍ

Bắt đầu từ năm 1935 khởi lên phong trào Lịch sử trong văn học quốc ngữ. Độc giả bấy giờ đã chán truyện Tàu (*Tam Quốc*, *Tây Du*, *Phong Thần*, *Đông Chu* v... v...) và bắt đầu thích đọc Quốc sử.

Nhiều nhà văn thiếu lương tâm bắt ngay lấy cơ hội, tốt cho việc « làm tiền » : sau khi đọc qua loa một vài quyển sách Tây chép sử ta (Vi như ca ông Quan Viên viết quyển *Đề Thám* theo quyển *Hoang tham le pirate* của Paul Chack), họ bạo dạn khoác áo sử gia cho

xuất bản những tập sách sốc sếch bán ba bốn xu, đem trưng bày khắp hàng sách trong nước !

Thật là một cái họa ! Một thảm họa !

Có nhà phê bình lại cho là một cái « dịch » !

... Nhưng rồi lần lượt một ít ngọn bút có chân tài thiệt học xuất hiện, tận tụy phụng sự cho Quốc sử. Sách quốc sử từ 1935 đến 1941 ra rất nhiều. Do đó, mới có sự phân loại !

1. *Lịch sử tiểu thuyết* : — Về loại này, ở Nam Kỳ, có các tác phẩm của Tân Dân Tử (*Gia Long tẩu quốc, Gia Long phục quốc, Giọt máu chung tình* v .. v...), của Phạm minh Kiên (*Lê triều Lý thị, Tiền Lê vận Mạc* v... v..); ở Bắc hà có các tác phẩm của Nguyễn Triệu Luật (*Rắn báo oán, Hòm đựng người*), của Phan Trần Chúc (*Cần Vương, Hồi chuông Thiên Mụ, Lê Hoan*) của Nguyễn tử Siêu (*Hai bà đánh giặc, Triệu Ẩu, Việt Thanh chiến sử*), của Quan Viên (*Rạch đôi sơn hà, Cầu vồng yên Thế, Tháng ba sấm động, Quân Bãi Sậy, Đề Thám* v... v..), của Chu Thiên (*Lê Thái Tổ, Sắc đẹp ngai vàng*) của Khái Hưng (*Tiêu Sơn tráng sĩ*), của Tchya (*Kho vàng Sầm Sơn*),

của Lưu trọng Lư (*Con voi già của vua Hàm Nghi*). Lan Khai (*Chiếc ngai vàng, Ai lên Phố Cát, Đỉnh non Thần* v... v...,), của Ngô-tất-Tố (*Gia Định lồng trấn*).

2. *Lịch sử ký sự* : — Có nhiều tác phẩm chính tác giả nó mạng-danh là lịch sử tiểu thuyết để tránh sự đàn hặc của các nhà phê bình chân chánh, lại vốn có tánh cách lịch sử ký sự. Ví như quyển *Vua Hàm Nghi* của Phan-trần-Chúc.

Vì có sự mạng danh không đáng ấy, ông Nguyễn-triệu-Luật một nhà lịch sử ký sự hữu danh thẳng tay đàn hặc tác giả *Vua Hàm Nghi* trong quyển sách nhỏ ra làm phụ trương của báo Công Dân, mang tên là : « ông Phan-trần-Chúc bôi nhọ Quốc sử ». Nhân đó, trong làng sử học nước nhà, có câu chế diễu Phan quân như vầy :

Viết sử thêm buồn cho bác Chúc,
Bị anh Triệu Luật nhẻ đầu phang !

Nguyễn-triệu-Luật viết về vua Lê chúa Trịnh một loạt 3 quyển lịch sử ký sự bổ cứu cho nhau : *Bà chúa Chè, Loạn kiêu binh, Chúa Trịnh Khải.* Ngoài ra, Nguyễn quân còn

một quyển lịch sử ký sự viết theo lối Sacha Guitry viết *Remonlons les Champs d'Elysée* (*Ngược đường Champs d'Elysée*) : quyển ấy tên là *Ngược đường trường thi*, mà chúng tôi có phê bình kỹ trong bộ *Phê bình văn học* của chúng tôi.

Nhưng cuốn lịch sử ký sự được người ta nói đến nhiều nhứt có lẽ là cuốn *Tuy lý Vương* của Trần thanh Mại.

3· *Lịch sử thuần túy* :— Về loại này, đứng đầu hết là bộ *Việt Nam sử lược* rất quí giá của nhà sử học đại danh Trần trọng Kim. Kế đó, cũng đáng kể những tác phẩm của Nhật-Nham Trịnh như Tấu (*Trịnh gia chính phả*), của Đào trinh Nhất (*Phan đình Phùng*, *Đông kinh nghĩa thục*, *Việt Nam tây sử*, *Phan bội Châu*), của Phan-trần-Chúc (*Vua Quang Trung*, *Bánh xe khứ quốc*), của Huỳnh-thị-Bảo Hòa (*Chiêm thành lược khảo*).

Ba loại lịch sử trên đây, chẳng những độc giả quan - niệm hãy còn lộn xộn, mà lắm nhà viết sử hiểu còn lôi thôi lắm. Bởi nên khi viết *Tuy lý Vương*, Trần thanh Mại phải bỏ công làm một bài tựa dài sòng sọc để

bày giải, kể cũng quá đáng, nhưng vẫn chẳng phải là vô bổ.

Trên mặt tờ *Sông Hương* số 1 ra ngày 1er Août 1935, nhà phê bình Vũ ngọc Phan cũng có bài bày giải về ba loại lịch sử trên. Trong *Hanoi tân văn* ra ngày 29-3-1941, Vũ quân trở lại vấn đề mình đã viết :

« .. Lối đặc lịch sử như cái lối Mignet đã viết *Marie Stuart* và *Charles Quint*. Về lối lịch sử ký sự, ta có thể nghĩ đến quyển *César Borgia* của Paul Rival hay quyển *Le cœur de Louis XIII* của Paul Reboux ; còn lịch sử tiểu thuyết ta có thể chỉ hầu hết tác phẩm của A. Dumas père làm đại biểu được.

« .. Khi viết một quyển lịch sử, nhà chép sử không lưu tâm đến những việc cá nhân không ảnh-hưởng đến xã hội, nhưng khi viết những bài ký sự về lịch sử, nhà văn có thể viết một cách tỷ mỷ những việc cá nhân không ảnh hưởng gì đến dân chúng mà chỉ có cái thú vị riêng của nó thôi. Không những thế, khi viết một quyển lịch sử ký sự, nhà văn lại cần phải lưu tâm đến những việc tư lắm, lối ấy cũng gần như lối chép dã sử (histoire privée) vậy.

«... Trong quyển lịch sử ký sự, người ta có thể chép những việc như Napoléon Bonaparte đang cầm quân mà còn lén về hôn Joséphine, César Borgia ngồi ăn mà trước mặt có một bọn vũ nữ khỏa thân lượn múa chung quanh những cây bạch lạp cao ngất; hay những việc dâm loạn trong cung nhà Trần, những việc thê thảm trong cung nhà Tiền Lê vân vân, nói tóm lại những việc tư không ảnh hưởng hay có ảnh hưởng rất ít đến xã hội.

«... Cái hay của một quyển lịch sử ký sự bao giờ cũng là một cái hay thiết thực, cái hay đã nhuộm màu một thời đã qua chớ không phải cái hay huyền hoặc hoang đường, hay cái hay sống sượng của mấy câu văn cầu kỳ, không phải lối. Động-tác và văn-thể trong một quyển lịch sử, những sự xét đoán và công phu cũng như nhau.

« Còn như viết lịch sử tiểu thuyết, nhà văn chỉ phải căn cứ vào vài việc cỏn con đã qua, rồi vẽ vời cho ra một truyện lớn, cốt giữ cho mọi việc đừng trái với thời đại, còn không cần phải bàn sự thật.

« Một nhà phê bình đã nửa khen nửa chê Alexandre Dumas như sau này : « Alexandre

Dumas đã hiếp dâm lịch sử để đẻ ra những đứa con hoang, khỏe hơn cả những đứa con chính thức » (Il a violé l'histoire et lui a donné des bâtards pluis vivants que ses enfants légitimes). Nhưng nhà viết sử có biệt tài của nước Pháp đã đáp lại :« Lịch sử đối với tôi là gì ? nó chỉ là một cái đinh để tôi treo các bức tranh của tôi thôi » (Qu'est-ce que l'histoire ? C'est un clou auquel j'accroche mes tableaux).

Về sách địa chí, không kể các sách chữ Hán, (1) riêng về sách quốc ngữ, chúng tôi được biết mấy bộ *Sadec nhân vật chí*, *Vinh Long nhân vật chí* ở Nam kỳ, nhưng theo thiển ý, chưa bộ nào làm đúng phương pháp

---

1— *Năm Thiệu Bình thứ hai* (1435) Nguyễn Trãi viết *quyển* Dư địa chí, *biên-tập về quốc hiệu, kinh đô nước nhà, cả đến những nghi lễ ấn định việc cống phú ở triều Lê.*— *Trịnh Hoài Đức làm sách* Gia định thống chí, *chia làm 6 mục* : 1 Tinh dã chí, 2· Sơn xuyên chí, 3· Cương vực chí, 4· Phong tục chí, 5· Sản vật chí 6 Thành trì chí.— *Dưới triều Tự Đức Quốc sử quán có soạn bộ* Đại Nam nhứt thống chí, *biên tập về nhiều tỉnh trong xứ, như* : Bắc ninh tỉnh, Hưng Yên tỉnh, *v. v.*.

có địa đồ đàng hoàn như hai bộ : *Hưng Yên địa chí*, *Bắc Giang địa chí* của ông Nhật Nham Trịnh như Tấu.

Nghe đâu hiện Nhật Nham tiên sanh còn đang lo viết thêm cuốn *Bắc ninh địa chí* nữa để làm giàu văn học quốc ngữ về kho sách địa chí.

KHẢO CỨU, NGHỊ LUẬN

« Chúng tôi ước ao rằng sau này người An Nam chỉ học bằng tiếng Annam có thể trở nên được người thông hiểu; chỉ đọc bằng sách quốc ngữ có thể trở nên được người thông hiểu, chỉ đọc bằng sách quốc ngữ cũng đủ bổ ích được cho trí khôn, ngày ấy thời sự khai hóa trong nước mới thật là có kết quả vậy.

« Muốn cho đạt được mục đích đó, điều thứ nhất là cần phải có sách, không phải là sách *văn chương chơi*, mà là những sách thật có giúp cho sự học ».

Lời ông Phạm Quỳnh trên đây in ở mé trong bìa các sách của Nam Phong tùng thư xuất bản.

« Những sách thật có giúp được cho sự học », Mà Phạm Quỳnh muốn nói đó, lẽ tất nhiên là thuộc loại Khảo cứu, Nghị luận.

Văn khảo cứu, nghị luận ở nước ta phần nhiều chỉ thấy rải rác trên báo chí, chớ ít ra thành sách.

Người ta thấy Nguyễn khắc Hiếu viết những bài luận ngắn trên *Đông Dương tạp chí*, *Annam tạp chí*, *Hữu Thanh tạp chí*.

Và kể từ 1917, lại thấy Phạm Quỳnh; Trần trọng Kim, Nguyễn bá Trạc, Tùng Vân, Đông châu v... v... đua nhau làm khởi sắc lối văn này trên mặt tờ *Nam Phong*.

Năm 1929. trên mặt *Thần chung* ở Nam kỳ, liên tiếp 21 bài (từ 3 Octobre đến 18 Noyembre), Phan Khôi bằng một lối văn nghị luận đanh thép, công kích nho giáo.

Công kích thiệt là kịch liệt.

Nhưng chẳng một ai ứng lên phản đối hết. Phan Khôi vì thế phải tủi thẹn đến rơi nước mắt trong bài thứ 21 của ông :

« Nước Tàu còn có năm ba bọn trung với Khổng giáo, gặp cơn nguy biến ra tay chống chỏi hết phương này tìm phương khác, tuy không kéo lại được mà cũng còn tỏ cho thiên hạ biết trong Khổng giáo vẫn còn có người. Đến nước ta thì hết chỗ nói ! Khổng giáo ở nước ta trong khi gặp văn minh Âu Châu, hình như nó nằm sát rạt xuống».

Qua 1930, trên mặt *Phụ-nữ tân văn*, sau khi phê bình bộ *Nho giáo* của Trần-trọng-Kim, Phan Khôi được họ Trần đếm xỉa tới, rất lấy làm hài lòng. Nhân đó, Phan tiên sanh viết trên mặt báo này một bài (*Cảnh cáo các nhà học phiệt*), lên án hạng người « ỷ có học rộng, tri thức nhiều, văn hay, trứ thuật cũng khá, rồi tự coi mình như là « bực thầy » chẳng kể dư luận ra chi ».

Chừng như ghét hạng này lắm thì phải, nên Phan tiên sanh có đoạn rất chua chát :

« Đã hay rằng mình giỏi, song thế nào cho khỏi sự sai lầm, vậy mà họ tự phụ quá, cứ mạt sát quá. Ử, cái dư luận nào không chánh đáng, họ mạt sát chẳng nói làm chi, cái này, khi người ta công kích họ một cách chánh đáng, mà họ cũng làm thinh, tỏ ra là họ

không thèm nói với, thế mới đáng ghét. Tôi dâng cho họ cái huy hiệu « Học phiệt », lấy nghĩa rằng họ có ý kế nghiệp nhau mà chuyên quyền trong học giới, cũng như bọn « quân phiệt », đã nối nhau mà chiếm cứ đất đai và quyền chánh trị bên Tàu ».

Mấy cuộc bút chiến giữa Phan Khôi, Phạm Quỳnh, Huỳnh thúc Kháng, nhà xuất bản Nam-ký Hanoi góp in thành sách : ấy là bộ *Những áng văn hay*, ra đời năm 1933.

Công việc của nhà Nam-ký, ba năm sau hiệu sách Hương giang ở Huế làm theo : do hiệu sách này xuất bản, quyển *Duy tâm hay là Duy vật* ra đời, góp in các bài tranh luận giữa Hải Triều, Phan Khôi về vấn đề Biện chứng pháp, giữa Hải Triều và Thiếu Sơn về vấn đề nghệ thuật vị nghệ thuật và nghệ thuật vị nhân sanh, do Phan văn Hùm đề tựa.

. . . Những bài đại luận của Phạm Quỳnh đăng tải trong Nam Phong đã nói trên kia, cũng được góp in thành sách, do Nam Phong tùng thư lần lượt phát hành : *Tục ngữ ca dao*, *Phật giáo đại quan*, *Khảo về tiểu thuyết*, *Văn học nước Pháp* v... v...

Bên cạnh loạt sách của Phạm Quỳnh, văn học quốc ngữ còn có được những bộ sách khảo cứu quí giá của Việt văn thư xã (*Cổ học tinh hoa, Câu đối, Phú nôm, Nam thi hợp tuyển* v.. v..:) do ông như Nguyễn văn Ngọc chủ trương ; của Quốc học tùng san (*Vi xuyên thi tập, Phồ chiêu thiên sự*.

Kê đó, các sách nghiên cứu, nghị luận hữu danh của Trần trọng Kim (*Nho giáo; Phật lục*), của Đào duy Anh (*Việt Nam văn hóa sử cương, Chính trị nước Pháp*), của Phan văn Hùm (*Biện chứng pháp phổ thông*), của Nguyễn duy Cần (*Toàn chân triết luận*), của Phan kế Bính (*Việt Hán Văn Khảo, Nam Hải dị nhân*), của Trần văn Giáp (*Lược khảo về khoa cử Việt Nam*), của Quan Viên (*Văn đàn bảo giám*), của Trương Tửu (*Kinh Thi Việt Nam*), của Dương bá Trạc (*Tiếng gọi đàn*), của Việt Thường (*Người xưa*), của Song An (*Thời thế với văn chương*), và một vài quyển sách nhận xét nhỏ như : *Theo giòng* của Thạch Lam, *Tâm hồn đất nước* của Trúc Hà

Thuộc loại nghiên cứu nhưng có tánh cách linh tinh một chút là : *Cao bá Quát*, *Nguyễn Trãi* của Trúc Khê, *Nguyễn Trường Tộ* của Từ

Ngọc, *Đời tài hoa* của Đầu Tiếp thuộc loại danh nhân truyện ký, *Một nền giáo dục Việt Nam mới* của Thái Phỉ, *Triết lý sức mạnh* của Lê văn Trương, *Một sức khỏe mới*, *Nguồn sanh lực* của P. N. Khuê, *Mười điều tâm niệm* của Hoàng Đạo thuộc loại đào luyện tinh thần như các sách của Victor Pauchet ; *Trước đèn* của Lãng Nhân, *Lọng cụt cán*, *Người ngợm* của Tam Lang, thuộc loại cảo luận tùy bút: *Hương lửa* ,*Tuổi xanh* của bác sĩ Lê hữu Mỹ thuộc loại y học.

PHÊ BÌNH

« Tìm cái đẹp trong không gian là nghệ thuật ; tìm cái đẹp trong nghệ thuật là phê bình » (Hoài thanh).

Như văn học Tàu, văn học quốc ngữ có lối phê bình rất chậm. Và quyển sách phê bình văn học đầu tiên ở nước ta có lẽ là cuốn phê bình sự nghiệp và thi văn *Nguyễn Công Trứ* của Lê Thước.

Sau Lê Thước, Phạm Quỳnh thử phê bình trên Nam Phong tạp chí ;

Phan Khôi phê bình *Nho giáo* của Trần trọng Kim và tập đầu *Việt Nam từ điển* của hội Khai trí tiến đức trên Phụ nữ tân văn ;

Thái-Phỉ Nguyễn đức Phong phê bình trên Ngọ báo và tân văn ;

Hoài-Thanh Nguyễn đức Nguyên phê bình trên Tràng An ;

Thiếu Sơn Lê sỹ Quý phê bình trên Phụ nữ tản văn, sau góp nhóp các bài báo cho ra thành sách ; bộ *Phê bình và cảo luận.*

Trương Tửu phê bình trên Loa, Ích Hữu !

Lê Thanh phê bình thân thế sự nghiệp văn chương thi sĩ Tản Đà, sau cho ra thành sách : bộ *Thi sĩ Tản Đa* :

Lê Tràng Kiều phê bình thơ mới trên Hanoi báo, Tiểu thuyết thứ năm,

Vũ ngọc Phan phê bình trên Pháp Việt tạp chí, Hanoi tân văn ;

K. T. Q. phê bình trên báo Mai và Tri tân,

Nhân Nghĩa phê bình trên Nước Nam, Tri tân ;

Thiều Quang phê bình trên Nam cường.

Ngoài ra, vẫn còn một số bình giả đa tài mà ít chịu viết trên báo chí ; chỉ thỉnh thoảng

mới cho ra một quyển sách phê bình. Ví như ;

Đào duy Anh viết *Khổng giáo phê bình tiểu luận*

Phan văn Hùm, tác giả *Nổi lòng Đồ Chiểu* (hay là Nỗi lòng Phan văn Hùm, theo lời Hồ hữu Tường) một bộ sách phê bình thân thế sự nghiệp văn chương Đồ Chiểu,

Trần thanh Mại, tác gia *Trông giòng sông Vị*, một bộ sách phê bình thân thế, sự nghiệp văn chương Tú Xương.

Ngô tất Tố *Phê bình Nho Giáo* của Trần trọng Kim,

Nguyễn văn Hanh, tác giả *Hồ xuân Hương*, một bộ sách lấy học thuyết Freud phê bình thân thế sự nghiệp văn chương Hồ xuân Hương ;

Nguyễn triệu Luật phê bình nội quyển *Vua Hàm Nghi* của Phan trần Chúc viết thành một quyển sách nhỏ tựa là « ông Phan trần Chúc bôi nhọ quốc sử » ;

Trương Chính tác giả *Dưới mắt tôi*, một bộ sách gồm nhiều bài phê bình tiểu thuyết ; và là người viết một tập sách nhỏ phê bình ca dao Việt Nam lấy tên là *Những bông hoa dại* ;

Gần đây Lan Khai thử phê bình từng nhà văn trong đôi tập sách mỏng mẻo sốc sếch; cái tài nông nổi của ông giết chết ngọn bút phê bình ông ngay với quyển đầu: quyển phê bình *Lê văn Trương*.

DỊCH THUẬT

Văn dịch ở nước ta, trái với loại phê bình, có rất sớm. Các bực túc nho, khi văn học hãy còn phôi thai, đã bắt đầu dịch truyện Tàu, tiểu thuyết Tàu rồi—nhứt là các diễm tình tiểu thuyết của Từ trầm Á và những tiểu thuyết kiếm hiệp.

Dịch Hán văn siêu xuất nhứt có Phan kế Bính đã diễn quốc âm *Việt Nam điển lệ toát yếu* của Hiệp Đỗ, *Đại Nam nhứt thống chí* của Hiệp Cao, *Việt Nam khai quốc chí truyện* của Nguyễn bảng Trung, *Đại Nam liệt truyện*

tiền biên và *Đại Nam liệt truyện chánh biên* (sơ tập) của *Quốc sử quán*.

Dịch văn lấy trước nhứt là hai ông Nguyễn văn Vĩnh, Phạm Quỳnh.

Lối văn dịch thanh thoát của hai ông này, mãi đến nay, người trong nước vẫn còn hoan nghênh.

Phạm Quỳnh dịch các đoản thiên của Georges Courteline (*ôi ! thiếu niên*), của Guy de Maupassant (*Ái tình*), của Pierre Loti (*Thương vay*)(1) *mà* phàm thức giả ai đã xem qua tuy không công nhận dịch đúng theo mạch văn của nguyên tác nhưng vẫn chịu là « có vẻ lưu thủy hành vân ».(Bốn chữ này mượn của Phạm Quỳnh).

Nguyễn văn Vĩnh thì có một sự nghiệp dịch thuật kể cũng to tát ; dịch truyện nhi đồng, truyện phiêu lưu, truyện truyền kỳ trong loại sách Hồng (Livres Roses), của nước Pháp, dịch tiểu thuyết của Fénélon, Balzac, A. Dumas, V. Hugo, dịch ngụ ngôn La Fontaine, hài kịch Molière.

---

(1) Ba bản dịch này trước đăng Nam Phong, sau ra thành sách trong *Khảo về tiểu thuyết*.

Dịch sách Tây, Nguyễn văn Vĩnh, khi xem in thường để nguyên tác ngay bên bản quốc văn. Những kẻ dã tâm cho rằng làm thế chỉ tổ phí tổn giấy mực và hơi tự thị; nhưng chúng tôi lại nghĩ: làm thế là Nguyễn văn Vĩnh thành thật với mình, với nghệ thuật mình, để cho độc giả xem qua dễ bề phán xét.

« Lược khảo về sự tiến hóa của quốc văn trong lối viết tiểu thuyết » (1), Trúc Hà viết mấy lời khen tặng Nguyễn văn Vĩnh tưởng cũng không phải là quá đáng:

« Một nhà văn sĩ nước Pologne, ông *Zalenski Thadée* nhất danh là *Boy* trong buổi nhàn rỗi, dịch luôn một trăm bộ sách cổ điển của nước Pháp, *riêng về hài kịch Molière và tiểu thuyết Balzac*, ông dịch tất cả. Thật là cái hân hạnh dặt biệt cho dân Polongne vậy. Cái hân hạnh ấy dân ta cũng được hưởng vài phần; do một ông *Boy* thứ hai ở nước ta làm ra. Ông *Boy* thứ hai, ông ấy tôi muốn nói ông Nguyễn văn Vĩnh.

« So với số sách dịch của Zalenski Thadée, ông Nguyễn vẫn chưa bằng, nhưng kể riêng sự nghiệp dịch thuật của ông từ trước đến

(1) Nam Phong Aôut-Septembre 1932.

nay cũng đã khá nhiều lại từ nay về sau, biết đâu cái tương lai của ông nó chẳng đem cho ta nhiều món quà nữa»

Nhưng tấm lòng mong mỏi của Trúc Hà, than ôi ! Nguyễn văn Vĩnh đành phụ : vì sanh kế sang Lào tìm vàng rồi thiệt mạng luôn ở đó, kể từ 2 Mai 1936, Nguyễn văn Vĩnh đã không còn nữa !..

Thật là một đại tang cho văn giới, cho phong trào dịch thuật nước nhà.

Nguyễn văn Vĩnh chết. Còn Phạm Quỳnh ! Lại bỏ đi làm quan !

Nhưng chẳng lẽ vì Phạm Quỳnh bỏ mà văn dịch chết ở nước ta.

Hai cây bút Đào Hùng, Nguyễn Đỗ Mục diễn quốc âm *Sans famille* (*vô gia đình*) của Hi Malot cũng có được một nghệ thuật dịch văn đáng để ý.

Kế đó, Dương phương Dực dịch *Les mystères de Paris* (*Những chuyện bí mật ở thành Ba Lê của* E. Sue đăng tiểu thuyết thứ bầy.

Đỗ Đình dịch *La porte étroite* (*Tiếng đoạn trường*) của A. Gide

Một ít nhà văn trong nhóm Tự Lực : Khái Hưng, Thế Lữ, Thạch Lam dịch đăng Ngày Nay những truyện ngắn của văn sĩ Âu Tây cận kim.

Huyền Hà dịch đăng Trung Bắc chủ nhật tiểu thuyết của Stefan Zweig, W. Somerset Maugham.

Thanh Châu, Như Phong, Văn Thu, Lan Khai trong nhóm Tân Dân diễn quốc âm tiểu thuyết của A. Dumas, Stevenson, S. Zweig.

Riêng thiên truyện vừa *Bức thư của người không quen* của S. Zweig, văn học quốc ngữ có tới hai bản dịch ! bản của Lan Khai (ôi ! mỉa mai) và bản của Huyền Hà đăng tải trên tuần báo Trung Bắc chủ nhật.

Vũ ngọc Phan dịch đăng báo Truyện kỳ quái của Hoptmann và vừa góp cho ra thành sách; quyển *Lâu đài họ Hạ*.

Về bộ truyện khổng lồ Á Rập *Một ngàn một đêm lẻ*, văn học quốc ngữ cũng đã có đến mấy bản dịch, do Phổ Thông bán nguyệt san ấn hành.

Còn bộ *Liêu Trai chí dị* danh tiếng của Tàu cũng được một vài danh bút nước nhà bỏ

công diễn quốc âm. Nhưng bản quốc văn giá trị nhứt là bản Tản Đà.

Ngoài việc dịch *Liêu Trai*, Tản Đà còn có dịch Đường thi, *Kinh thi*.

Dịch Đường thi, đó cũng là công việc của Tùng Vân Nguyễn đôn Phục năm xưa trên mặt báo Nam Phong.

Gần đây Ngô tất Tố dịch và bình giảng thơ Đường, cho ra thành sách ! bộ *Đường thi* giá trị. Ngoài ra, Ngô quân cũng có dịch thơ xưa hồi mấy triều Lê, Mạc, Tây Sơn trong bộ *Thi văn bình chú*.

Diễn quốc âm Tứ truyện của Thánh Hiền, ta được biết Trương vĩnh Ký dịch *Trung dung* Đại học ; Tản Đà dịch *Đại học* ; Đông châu Nguyễn bữu Tiến và Tùng Vân Nguyễn đôn Phục dịch *Mạnh tử* ; Lương văn Cam và Dương bá Trạc đều có dịch *Luận ngữ*.

Từng ấy công trình dịch thuật tuy nhiên vẫn chưa thấm và đâu, giữa lúc tủ sách dịch của văn học quốc ngữ hãy còn kém tủ sách dịch ở các lân bang nhiều lắm — như ở Tàu và Nhựt chẳng hạn.

Ở Tàu, Nhựt phàm ai tốt nghiệp được khoa gì, sở đắc được nền học thuật nào của Âu Tây, đều có bổn phận phải đem diễn dịch ra tất cả cho quốc dân đồng lãm.

Cứ xem quyển *Đồ thư mục lục* mỗi năm của hiệu sách Thượng Vụ ấn quán ở Thượng Hải, ta đủ rõ công trình dịch thuật của lân bang ta to tác là đường nào !.

Nước người ta được nhiều sách dịch, dân trí người ta mới mở mang, văn giới người ta mới có nhiều danh sĩ.

Biết bao danh sĩ Tàu, Nhật sở dĩ quãng kiến Đa văn được là nhờ học ở sách dịch. Lương-khải-Siêu, một danh sĩ Tàu hồi Trung Hoa dân quốc thành lập chẳng hạn, nhờ học ở sách dịch mà uyên bác được tất cả uyên nguyên học phái : triết học, khoa học, sử học v.. v..; từ Thượng cổ trải qua Trung cổ đến cận kim thời đại ; từ Hy Lạp trải qua La Mã đến Anh Pháp Đức Mỹ ; thông hiểu được thuyết thực-nghiệm của Bacon, thuyết tôn-nghi của Descartes, thuyết xã ước của Rousseau, thuyết chánh trị tam quyền của Montesquieu, thuyết nguyên phú của Smith,

thuyết quốc-gia của Bluntchi, thuyết thiên diễn của Darwin, thuyết triết-học điều hòa của Kant, thuyết lợi-lạc của Bentham.

Đọc *Ẩm bằng văn tập*, ta tất rõ tài học của tác giả nó, Lương khải Siêu sâu rộng quán xuyến là dường nào !.. Ngay như học hỏi về nội một thuyết lợi-lạc (l'arithmétique des plaisirs) của Bentham, Lương cũng cho biết đã phải tham khảo qua lắm sách dịch :

Lập pháp luận cương, Điền khẩu Mão Cát dịch.

Lợi học chánh tông, Lục Úc Tông-quang dịch.

Chánh trị chân luận, Đằng Điền tứ lang dịch.

Dân pháp luận cương, Hà lễ Chi dịch.

Lý học duyên cách sử, Trung gian Đốc giới dịch.

Thuyết luận lý của phái lợi lạc, Trung gian Đốc giới dịch.

Luận lý học thuyết phê bình, Sơn biên Tri Xuân dịch.

Lược truyện các nhà triết học Tây dương, Điền Trung Thái Ma dịch.

Lược truyện các nhà chánh trị học Thái Tây, Bân sơn Đẳng thứ lang dịch.

Xem đó, ta đủ rõ sách cần ích cho việc trứ thuật là đường nào.

Lúc trước, hồi văn học quốc ngữ mới phôi thai, Nguyễn văn Vĩnh bảo : « nước ta sau này hay dở thế nào đều nhờ ở chữ quốc ngữ.

Nhưng ngày nay, văn học quốc ngữ đã phát thạnh, thiết tưởng cần phải nói :« **nước ta sau này hay dở thế nào đều nhờ ở sách dịch** ».

Mạo muội trình bày thiển kiến như vậy, cách ngài tân học trong nước nghĩ thế nào ?

Trong khi chờ đợi những ý kiến hay của các nhà tân kọc, chúng tôi xin chép ý kiến này của ông Đỗ Nam-tử Nguyễn trọng Thuật, (một bực cựu học khả kính), mà chúng tôi cho là rất nhiệt thành và xác đáng :

« Cái nền dân tộc học-thuật đã phải bao hàm, lại phải lấy tiếng nói của dân tộc làm căn bản. thì sự phiên dịch là rất cần. Dịch được một quyển nào và ấn hành ra được là trong vườn hoa học thuật của dân tộc lấy

giống được một thứ cây rồi. Sự cần cấp về phiên dịch của sách xưa nay bằng chữ Hán, chữ Pháp ra quốc văn là vì những cớ này ;

« Học thuật vẫn qui nhưng phải qui như thóc gạo, ở đâu cũng có, ai dùng cũng được chứ không phải qui như vàng ngọc vậy. Vả học thức phải phổ thông mới có công hiệu, muốn thành lập cho nền dân tộc học-thuật, không dịch đủ các sách không được. Dịch đã đủ được thì không những lấy được đủ giống cây qui mà nó lại như thóc gạo để cung cho sự bổ dưỡng tri não của mọi người trong dân tộc hằng ngày một cách dễ dãi,

« Có người lấy ý cẩu thả mà rằng : Ai muốn đọc sách chữ Hán thì học lấy chữ Hán, ai muốn đọc sách Tây thì học chữ Pháp. Song phải biết rằng, không những chữ Hán ngày ít người học đi, mà chữ Pháp tuy nhiều người học ra, nhưng cũng chỉ nhiều về phần phổ thông tầm thường mà thôi, chứ học mà đọc được đến những sách cao và chỗ căn bản của tư tưởng, thì cũng không bao giờ có nhiều được. Thế mà dịch được đủ cả hai thứ sách ấy ra tiếng mẹ đẻ rồi, thì ai cũng có thể nhờ đó mà học cho rộng thêm, cho tư tưởng của

mình có căn bản, có mành mối. Có thể lấy cái học tự-tu mà thành tài đạt đức được. Nếu không làm được như thế, mà chỉ phụ diễn nói bàn suông về những cái học nọ kia Đông Đông Tây Tây ở trên báo chí, thì rút cục chỉ chồng chất được một đống giấy lộn chứa những cái bả rả, cành lá của những tư tưởng nước ngoài mà thôi. Mà kẻ đọc có muốn hỏi đến chỗ uyên nguyện căn bản của những cái tư tưởng đó thì cũng không còn biết tìm vào đâu mà tra khảo. Thế có khác gì kẻ chơi hoa giả mà chưa từng biết tới cái hoa thực của nó thế nào không.

« Tuy thế, nhưng sự phiên dịch lại không phải là dễ. Dịch phải lấy chủ nghĩa *tín* là rất trọng. *Tín* tức là trung. Dịch giả tuy ý tưởng không bằng tác giả, nhưng phải thâm thấu được chỗ tinh thần của nguyên văn, lại phải có văn tài tương đương với tác giả mới không sai lầm, và không đổ mất nguyên văn. Dịch sách cũng như vẽ truyền thần. Bức truyền thần không phải là bức ảnh chụp, nhưng hai cái bình vẫn là một. Không những đúng nhau từng nét mà lại phải đúng nhau cả chỗ tinh thần dáng điệu nữa; dịch sách mà không

thế thì không đem được cả toàn-thần của nguyên văn do thứ tiếng nọ sang thứ tiếng kia cho linh hoạt như một được.

« Nước ta hiện nay, biết phép phiên dịch có tài phiên dịch cũng còn thấy ít lắm. Bởi vậy tôi nói sự phiên dịch cũng phải có cơ quan để mà tìm phương pháp và giám-đốc lẫn cho nhau. Đây tôi làm cái phương pháp dịch cũ của người Tàu vẫn dùng, xin giải thích và giới thiệu ra như sau này ;

« Phương pháp ấy cần ở ba điều là : Tin, *nhã* và *đạt*.

a) Tin *tức là đúng. Phải dùng từng chữ, đủ từng ý và hệt với giọng của hạng người nào về thời đại nào. Song như thế thì đúng đấy, nhưng đối với văn-lý nước mình còn hẵng lời hay là tối nghĩa, thì lại phải thêm bớt vào một hai tiếng phụ của nó cho đằng đủ và sáng nghĩa ra. Lại hoặc như thế thì đối với điệu nói nước mình thành điên đảo khó nghe, thì lại phải dịch đảo một câu hay là một mạch lạc cho xuôi mà vẫn không thiếu lời thiếu ý gì.*

b) Nhã *là điểm-nhã êm tai. Có khi dịch ra tiếng ấy thì đúng nhưng theo văn ý nước mình thì nghe lại ra thô, lại phải dùng tiếng*

khác cùng tỉnh cách ấy mà có ý nhã hơn thay vào Lại phải tùy từng môn loại của bài nguyên văn, sách nguyên thư để dùng tiếng của mình mà thay vào cho đối chọi. Khi nào tiếng sẵn không đủ thì ghép tiếng mới, nhưng phải chua cho rõ ràng. Khi nào phép thường không đủ phải tìm phép mới mới dịch được, thì phải đặt ra cái phàm lệ nói rõ về duyên cớ ấy!

« *Tín* với *Nhã*, hai phép ấy cũng đủ phận sự về việc phiên dịch. Tôi có nghe một nhà bác học nước ta nói rằng ông đọc bộ kinh *Hoa Nghiêm* (sách Phật) bằng Pháp văn mới dịch ở tiếng Phạm ra, rồi ông lại đọc cũng bộ kinh ấy bằng Hán văn đã dịch ở tiếng Phạm từ hơn nghìn năm trước, mà không khác chút nào. Như thế thì không phải hỏi đến sách bản thư Phạm-văn cũng biết là hai bộ sách dịch văn của người Tàu với người Pháp là đáng với bản thư rồi. Tức như xem hai bức truyền thần của hai người vẽ đúng nhau thì biết là đều đúng với bức ảnh chụp!

« Ấy sự phiên dịch của người ta công phu và tài tình như thế, có phải là việc tầm thường ai cũng làm được đâu.

c) Đạt là đạt được cái ý ra thì thôi, không câu nệ phải đúng. Song phép này khó lắm, hiếm có người làm được. Phép này là hóa-tán cả nguyên văn vào tâm mình, rồi rút lấy toàn thần của nó ra, thay vào bằng những điển cố, thành ngữ và văn thể của nước mình. Đọc ra như nó là sách nguyên thư của nước mình, lời lẽ giọng điệu đều tự nhiên như của nước mình, mà ý tưởng thì vẫn của người ta, không thiếu tí nào.

« Phép này dễ sinh nguy hiểm là làm sai lạc mất bản ý đi mà không phải là dịch ở đấy ra nữa. Ngày xưa nghe có **Cưu-ma-la-thập** dịch sách Phật ra Hán văn, ngày nay thì có **Nghiêm Phục** dịch sách *Thiên diễn luận* (1) của Anh-văn ra Hán văn, là dùng được phép này gọi là « đạt-ý ». Nhưng hai nhà đều khuyên người ta không nên bắt chước. Nghĩa là không có cái văn tài như thế thì là một sự làm bậy. Tuy vậy, trên ấy là phân loại mà nói ba phép *tín*, *nhã* và *đạt* dùng vào những khi đặc biệt đó thôi. Thực

---

(1) Sách này có một bản Pháp văn « L'évolution des espèces ».

ra thì phàm dịch sách lúc nào cũng phải gồm đủ ba phép ấy.

Đã *tín* và *nhã* rồi nhưng cũng phải *có đạt*. Mà *đạt* đó nhưng cũng vẫn có *tín*, *nhã* mới được.

« Xem đó thì những sách Tây đã dịch ra Hán văn, ta cũng có thể chọn mà dịch lại được, không sợ sai lầm » (1).

« Còn công việc soạn thuật thì cũng còn là theo vào trong chỗ căn bản tư tưởng của người ta đó, mà phu diễn phê bình, hoặc khảo cứu để phát minh nghĩa khác ra cho mới hơn. Nghĩa làm cho những cái tư tưởng căn bản ấy được thịnh hành ra. » (2)

Xem mấy câu chót này, ta thấy ông Đồ-Nam-tử Nguyễn trọng Thuật cũng công nhận việc soạn-thuật cần đến « chỗ căn bản của người ta đó » — tức là sách dịch vậy !

---

(1) Nhân câu này của ông Đồ Nam tử, ta có thể viết : « ..xem đó thì những sách ngoại quốc (Anh, Nga, Đức v.. v...) dịch ra Pháp văn rồi ta cũng có thể chọn mà dịch lại được, không sợ sai lầm. »

(2) Nguyễn trọng Thuật :— « Chương trình cầu học của người Việt Nam hiện nay nên thế nào »— Nam Phoug số 191—Décembre 1933.

Nhưng chẳng những **sách dịch** giúp ích cho việc soạn thuật thôi đâu, mà cả đến **sự phiên dịch** nó cũng giúp ích được cho việc này nữa—nhứt là giúp ích cho *sự hành văn*, trong lúc trứ thơ lập ngôn.

Thật vậy « *dịch văn ngoại quốc cũng như đọc và thưởng thức những bản dịch ấy, có thể coi là một phương tiện trực tiếp đào luyện văn chương.*

« Sự để tâm thu gọn lời văn, sự bắt buộc phải lựa chọn tiếng dùng, phải thay đổi điệu văn, phải uốn nắn hình thể lối văn của mình theo hình thể câu văn của người khác, bằng ấy đều khiến cho *sự dịch văn là một cách linh hoạt để học tập nghệ thuật viết văn.*»

« Sự cố gắng liên tiếp để vượt qua nỗi khó khăn về cách phô diễn đó, không những chỉ là một công việc có ích cho dịch giả, mà đến ngay *sự đọc văn bản dịch cũng có thể là một cách tập văn qui báu cho hết mọi người.*

« Nhà văn sĩ Rivarol cũng nghĩ thế, ông nói :

« Văn ngữ nước Pháp sở dĩ hưởng được sự hoàn toàn chỉ vì đã sang các nước lân bang để trao đổi và để nhận thức những chân giá

trị của mình ; vì đã lục lọi trong kho tàng La Mã Hy Lạp ; và vì đã tìm những giới hạn nó phân biệt tiếng Pháp với tiếng các nước ngoài. *Duy chỉ có sự dịch văn là giúp cho tiếng Pháp những ích lợi đó.* Một thứ văn ngoại quốc khi đưa ra toàn những cái khó rất kỳ khu cho một nhà dịch giả có tài, thì khác nào như thử thách nhà dịch giả về đủ các chiều vậy ; người dịch văn biết ngay được tiếng nước mình có thể đạt được tới đâu, hoặc những cái khó nào không thể đạt được ; người ấy dùng mất hết những của sở hữu, nhưng người ấy tăng thêm lực lượng cho mình, nhất là khi người ấy dịch những tác phẩm của trí tưởng tượng, những tác phẩm này ruồng phá những cái khuôn cùm của phép hành văn theo mẹo luật và khiến cho văn ngữ thêm cánh bay lên.» (Rivarol, lời tựa cuốn *l'Enfer*).

« *Hết thảy các văn hào thi bá nước Pháp, từ Ronsard đến Chateaubriand, đều khuyên nên lấy sự dịch văn làm một phương tiện cốt nhất để luyện tập ngòi bút.* »

« Phần lớn nhất nhờ ở sự dịch các văn gia cổ điển mà Malherbe có thể đem sự đúng

mẫu mực và vẻ thanh lịch vào cho văn ngữ nước ta » (lời Victor Vaillant)...

« *Malherbe nhận rằng bao nhiêu công phu và bao nhiêu sức cố gắng vất vả của tinh thần đã đem ra để phong đại những vẻ đẹp của một văn hào cổ điển, ấy là bấy nhiêu phép kỳ diệu để uốn nắn ngòi bút và để làm tươi đẹp cho lời văn.*— Trả lời những người hỏi ông rằng muốn viết văn thì phải theo những cách thức nào. Malherbe bảo : nên đọc một bản văn ông đả dịch». (3)

Trên kia, đã viết : «nước ta sau này hay dở thế nào đều nhờ ở sách dịch », ở đây, tưởng nên chép lại và thêm cho đầy đủ như vầy :

« Nước ta sau này hay dở thế nào đều nhờ ở sách dịch, và sự phiên dịch nó là nồng cốt khả dĩ đưa văn học quốc ngữ đến cõi hoàn mỹ. »

Sách dịch muôn năm !

Sự phiên dịch muôn năm !

Văn học quốc ngữ muôn năm !

M. K

---

(3) *A. Albalat* :— « Comment on devient écrivain »— Thạch Lam diễn quốc văn.

PHỤ LỤC.

Chuyện buồn cười ở làng báo

Nam-kỳ ngày xưa

Năm 1912, ở Nam kỳ vỏn vẹn có 4 tờ báo : *Lục tỉnh tân văn*, *Nam Trung nhựt báo*, *Công luận báo*, *Nông cổ mín đàm*. Đó là không kể tới hai tờ *Nam kỳ kinh tế báo* và *Phan An báo* đã đình bản.

Riêng tờ Lục tỉnh tân văn của ông Schneider sáng lập giao quyền chủ bút lần lượt cho Diệp văn Cương, Nguyễn văn Vĩnh, Phạm duy Tốn ở Bắc hà vào, Gilbert Chiếu rồi Lê hoằng Mưu; còn thì mấy tờ báo kia thảy hoặc cũng có giao bút quyền cho một trong các ông đã

kể đây, thản hoặc lại phó thác cho qui ông nầy : Lương khắc Ninh, Nguyễn tử Thức, Đặng thúc Liêng, Nguyễn chánh Sắt, Lê Đức v... vi..

Làm trợ bút bấy giờ có những ông : Nguyễn viên Kiều; Nguyễn thành Phương, Lê Sum, Hồ biểu Chánh.

Các ông trợ bút thì ôn hòa. Còn những ông trợ bút bấy giờ sinh bút chiến lắm.

Khai mào phong trào bút chiến là Lương khắc Ninh và Gilbert Trần chánh Chiếu. Ban đầu hai cụ còn tranh biện trong phạm vi văn chương. Thét rồi hai cụ bất phải xẳn xởm với nhau ;

Kế đến Nguyễn chánh Sắt và Lê hoằng Mưu gây sự với nhau.

Lê hoằng Mưu tức trí mắng Nguyễn chánh Sắt dốt đặc mà làm bộ hay chữ,

Trận bút chiến này kéo dài đến hàng tháng, giúp hai tờ *Công luận* và *Nông cổ mín đàm* bán chạy như tôm tươi.

Cuộc bút chiến nầy nói cho ngay là một cuộc cãi lộn ra mặt, chớ chẳng phải tranh luận tranh biện gì hết. Thế mà độc giả thích ! Vì trình độ độc giả bấy giờ thấp kém lắm. Hễ

ông chủ bút nào dám bạo bút viết càng chửi kẻ nghịch thì thiên hạ cho ông ta « ngon », đua nhau đọc tờ báo của ông ta chủ trương.

Bởi nên các tờ báo của mấy cụ ôn hòa như Nguyễn tử Thức, Lê Sum, Đặng thúc Liêng, chẳng ai thèm để ý đến. Người ta bảo nhau rằng báo của các cụ đó buồn ngủ quá chừng!

Lời than phiền của đọc giả không mấy lúc đến tai Lê Sum. Cụ suy nghĩ: nếu mình không hành-vi như đồng nghiệp, không khéo rồi tờ báo mình chết ngủm!

Thế rồi cụ Lê bắt đầu viết thiên tiểu thuyết: « *Đỗ thập nương* », công kích gián tiếp một bà quận nọ ở miền Hậu-giang, nhưng ai đọc qua cũng hiểu đặng.

Phòng trào « Đỗ thập nương » phút chốc lấy đọc giả cho báo Công luận rất nhiều. Tờ báo hãy còn chạy trên khuôn, mà đọc giả đứng chờ ở cửa tòa báo để mua, kể ra có đến hàng trăm!

Thấy đồng nghiệp làm ăn khá, ông Mộng huê Lầu (biệt hiệu của Lê hoằng Mưu) ở Lục tỉnh tân văn định phá chơi. Ông viết một loạt bài, viện hết lý nầy lẽ nọ, binh vực cho bà lớn Đỗ thập nương.

Nhưng cuộc cãi vã nầy giữa Công luận và Lục tỉnh tân văn không kịch liệt bằng trận bút chiến giữa hai tờ Côngluận và Nam Trung nhựt báo kế đó.

Trong trận bút chiến sau này, trên mặt báo Công luận có một câu xỏ xiên đồng nghiệp thật là bỉ ổi.

Kể từ đó, phong trào « cãi lộn » ở làng báo Nam-kỳ bấy giờ ngày một thêm kịch liệt.

Người được hoan nghinh nhứt trong phong trào khả bỉ nầy có lẽ là ông Lê hoằng Mưu. Vì trong bất kỳ cuộc bút chiến nào, phần thắng cũng về ông.

Nhưng qua năm 1915 - 16, ông Lê hoằng Mưu bị hạ bởi một đồng nghiệp ở báo Công luận, núp dưới cái thự-danh rất là ghê gớm : **Hốt tất Liệt** !

Hốt tất Liệt rất tàn bạo đứng ra thề với đọc giả quyết hạ Lê hoằng Mưu ! Bài đầu của Hốt là xin chánh phủ phải chú tâm trừ khữ những tiểu thuyết nhảm nhí làm tồi phong bại tục. Đến bài kế, Hốt lôi ngay quyển *Hà hương phong nguyệt* của Mộng huê Lầu ra xin chánh phủ cấm lưu hành. Qua tuần

sau, đã thấy Chánh phủ hạ lịnh tịch thâu tất cả tiểu thuyết của Mộng huê Lầu, Lê hoằng Mưu.

Thế là Hốt tất Liệt toàn thắng!

Nhưng Hốt tất Liệt là ai?? Mãi về sau người ta mới biết đó là trá-danh của Nguyễn báo Vĩnh.

Năm 1924 - 25, ông Nam Kiều Trần huy Liệu ở Bắc vào Nam. chưn ướt chưn ráo mà không thèm dò dẫm tình hình làng báo ở Nam-kỳ gì hết, họ Trần táo bạo mở ra mục « phê bình báo giới » trên mặt tờ *Đông Pháp*; hết công kích vị chủ bút nầy, lại chỉ trích ông đầu bút kia. Nhứt là họ Trần xỏ xiên Lê hoằng Mưu rất nghiệt ngã!

. . . . . .

Ông Đinh trở lại để hết tâm huyết vào việc làm báo. Ông trả tờ *Công luận* lại cho Héloury; nhờ De Lachevrotière giúp sức vận động, xin phép ra tờ *Đông Pháp*.

Ông Đinh vì mến tài ông Kỳ, nên nhượng tờ *Đông Pháp* lại cho ông Kỳ chủ trương, lui về gia-đình, lập một nhà in nhỏ tại Ngả năm, lấy tên là nhà in « Đông Pháp ». Nhà in này

của ông khác với nhà in của Bà Thanh thị Mậu, vợ ông, là nhà in đã in cho tờ Đông Pháp.

Năm 1930, tờ Đông Pháp bị rút giấy phép. Ông Diệp văn Kỳ xin cho ra được tờ *Thần chung* thay thế. Nhưng ra được độ một năm, *Thần chung* cũng chết luôn !

Saâdi

Nhà thi-sĩ bậc nhất của nước Ba Tư

Saadi

Mà bà Comtesse de Noailles, một nữ thi-sĩ Pháp đã viết :

« Có những tên người dường như đi qua từ đời này sang đời khác, nằm trên sự cảm mến của nhân loại, và sự vinh-quang của họ lan trong một vùng không khí trong trẻo, giữa những vườn hoa và những mảnh trời. Cho nên cái danh tiếng của *Saâdi* cũng trộn lẫn với đài hoa thơm dịu và không khí trong xanh. Cho đến ngày nay, trước mắt những thi sĩ của tất cả hoàn cầu, ngọn gió nhẹ nào bứt cánh những hoa hồng cũng dường như rải rắc trên mồ thi nhân những ly rượu thoảng hương thơm ngào ngạt.»

Saâdi

Lần đầu tiên sẽ ra mắt quốc dân trong « Tủ sách dịch.»—Tân Việt với quyển **VƯỜN HỒNG** (Gulistan)—một áng văn vô cùng đặc sắc mà thi sĩ **MỘNG HUYỀN** đã dày công đem dịch ra quốc văn.

VƯỜN HỒNG, cái tác phẩm danh tiếng khắp hoàn cầu ấy, các bạn hãy đón ngay từ bây giờ!

NHÀ XUẤT BẢN TÂN VIỆT — HANOI

SÁCH NÀY IN TẠI ĐÔNG-DƯƠNG
ẤN QUÁN 6-16 BOURRET — HANOI
XONG NGÀY 10 OCTOBRE 1942.

HÃY ĐỌC

THI HÀO TAGORE

Một công trình khảo-cứu rất giá trị của ông *Nguyễn văn Hoi* viết với nhiều tài liệu ở Pháp mang về.

Lời bạt của thi-sĩ *Nguyễn Thiên Thu*.

Bìa do họa sĩ *Nguyễn văn Mười* trình bày.

« TỦ SÁCH DANH NHÂN »

TÂN VIỆT

Giá 1.85